

Land&Life

Vol.1



VIỆT NAM
QUÊ HƯƠNG TÔI

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Greeting from Editor!



Quý độc giả thân mến!

Hành trình bao giờ cũng bắt đầu từ những bước đi. Trong chuyến hành trình tìm đến biển trời tri thức, chắc hẳn ai trong chúng ta cũng từng tiếp cận những kiến thức về địa lý, đặc biệt là Địa lý về kinh tế... Và rồi theo dòng chảy thời gian không ngừng giữa những bận bịu cuộc sống cũng như công việc, hầu như ai cũng dần dần phai nhạt đi những tri thức căn bản ấy. Nhưng những thách thức của toàn cầu hóa trong thời đại 4.0 đã đặt cho chúng ta suy nghĩ lại những con đường hướng ta đi trong tương lai và ý nghĩa của những bài học đầu tiên về Địa lý kinh tế. Và rõ ràng rằng, từ những kiến thức địa lý kinh tế của chập chững ban đầu, chúng ta tiếp cận với khái niệm mới, ngành học mới, ngành nghiên cứu mới, đó là Địa kinh tế chính trị, đặc biệt môn Địa chính trị.

Việt Nam của chúng ta cũng đang trên đường hướng tới Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa, đặc biệt toàn thể đất nước Việt Nam đang hướng tới năm 2045 – kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng tôi cho rằng, đã đến lúc chúng ta cần quay lại những tri thức căn bản – Địa lý kinh tế. Trên tinh thần đó, Ban biên tập chúng tôi đã xây dựng ra một cơ sở dữ liệu theo tinh thần Địa kinh tế chính trị gửi tới tất cả các quý độc giả, những ai có sở thích nghiên cứu, bắt tay vào tiếp cận theo lăng kính, góc độ của Địa kinh tế chính trị, để hướng tới một nền tảng kinh tế bao trùm, đảm bảo tính nhất quán, khách quan và khoa học. Hy vọng đây là một đóng góp nhỏ cho chúng ta với góc nhìn mới về Địa lý kinh tế mà chúng ta đã từng được biết đến.

Trong số đầu tiên của tạp chí, chúng tôi mong muốn gửi đến Quý độc giả Hệ thống Bản đồ hành chính Việt Nam – nền tảng đầu tiên của Địa kinh tế chính trị.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý độc giả.

Trân trọng!

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of fluid, connected loops and strokes.

Nguyen Bich Son

Chịu trách nhiệm nội dung



Hội đồng biên tập

Nguyễn Hồng Minh
Nguyễn Hoàng Thanh
Nguyễn Quang Huy
Hoàng Minh Nguyễn

Lưu Hồng Hải

Lê Hoàng

Nguyễn Đức Dũng

Lê Tiến Trung

Nguyễn Văn Thiệp

Lê Minh Dũng

Tổng biên tập

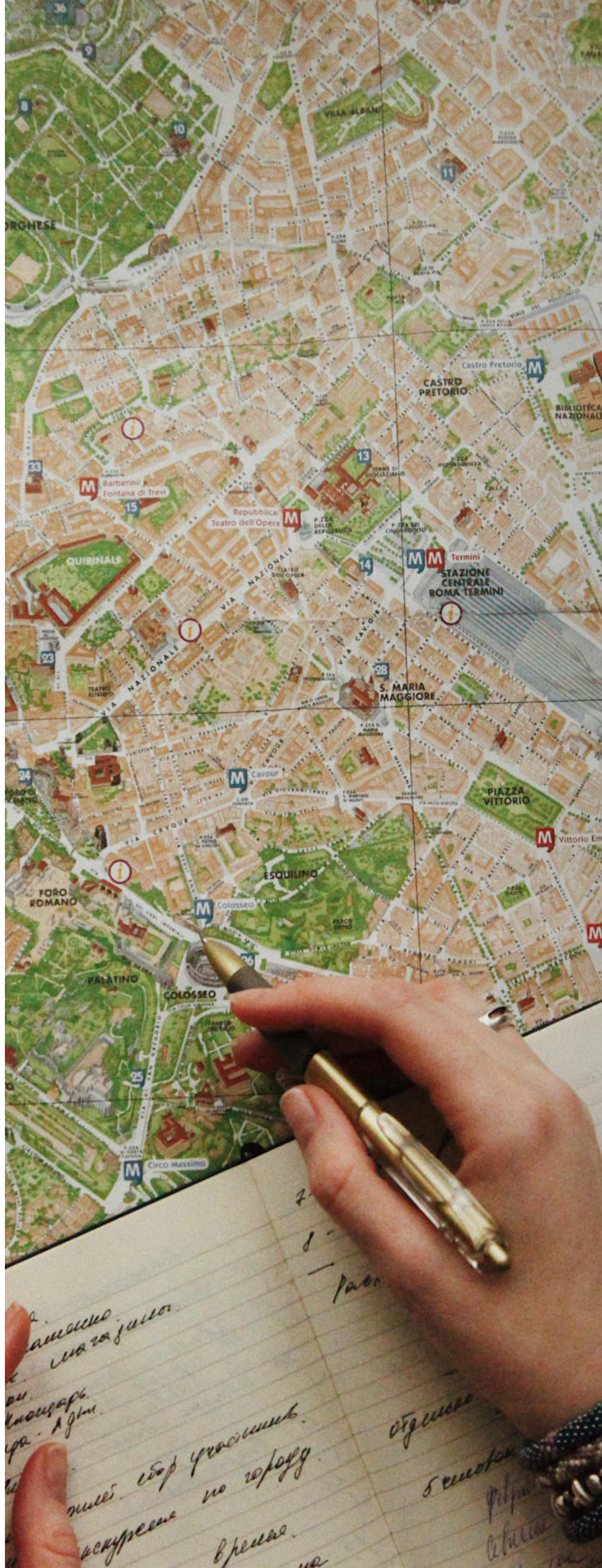
Nguyễn Tất Hồng Dương

Biên tập

Nguyễn Bích Sơn
Nguyễn Nguyễn Quang Trung
Nguyễn Thu Thủy
Đỗ Việt Hà
Đặng Thị Hà Vân
Nguyễn Thu Thảo

Thiết kế

Nguyễn Thu Thảo
Đặng Ngọc Anh



MỤC LỤC

THƯ NGỎ.....	02
MỤC LỤC.....	04
VIỆT NAM	06
QUY HOẠCH VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI.....	08
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG.....	10
HÀ NỘI.....	12
BẮC NINH.....	14
VĨNH PHÚC	16
NINH BÌNH	18
HẢI DƯƠNG	20
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	22
HƯNG YÊN.....	24
HÀ NAM.....	26
NAM ĐỊNH.....	28
THÁI BÌNH.....	30
QUẢNG NINH.....	32
TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ.....	34
LAI CHÂU.....	36
LÀO CAI.....	38
HÀ GIANG	40
CAO BẰNG	42
LẠNG SƠN.....	44
ĐIÊN BIÊN	46
SƠN LÀ.....	48
YÊN BÁI.....	50
TUYÊN QUANG	52
BẮC KẠN	54
THÁI NGUYÊN.....	56
BẮC GIANG.....	58
HÒA BÌNH	60
PHÚ THỌ.....	62
BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG.....	64
THANH HÓA	66
NGHỆ AN	68
HÀ TĨNH.....	70
QUẢNG BÌNH.....	72
QUẢNG TRỊ.....	74

THỪA THIÊN HUẾ.....	76
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	78
QUẢNG NAM.....	80
QUẢNG NGÃI.....	82
BÌNH ĐỊNH.....	84
PHÚ YÊN.....	86
KHÁNH HÒA.....	88
NINH THUẬN.....	90
BÌNH THUẬN.....	92
TÂY NGUYÊN.....	94
KON TUM.....	96
GIA LAI.....	98
ĐẮK LẮK.....	100
ĐẮK NÔNG.....	102
LÂM ĐỒNG.....	104
ĐÔNG NAM BỘ.....	106
BÀ RỊA – VŨNG TÀU.....	108
BÌNH DƯƠNG.....	110
BÌNH PHƯỚC.....	112
ĐỒNG NAI.....	114
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	116
TÂY NINH.....	118
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....	120
ĐỒNG THÁP.....	122
VĨNH LONG.....	124
BẾN TRE.....	126
TRÀ VINH.....	128
CẦN THƠ.....	130
AN GIANG.....	132
TIỀN GIANG.....	134
HẬU GIANG.....	136
LONG AN.....	138
SÓC TRĂNG.....	140
KIÊN GIANG.....	142
BẠC LIÊU.....	144
CÀ MAU.....	146

VIỆT NAM

VỊ TRÍ

Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, ven biển Thái Bình Dương. Trên bản đồ, dải đất liền Việt Nam mang hình chữ S, kéo dài từ vĩ độ 23°23' Bắc đến 8°27' Bắc, dài 1.650 km theo hướng bắc nam, phần rộng nhất trên đất liền khoảng 500 km; nơi hẹp nhất gần 50 km.

Việt Nam có đường biên giới trên đất liền dài 4.550 km:

Phía Bắc giáp Trung Quốc;

Phía Tây giáp Lào và Cam-pu-chia;

Ba mặt Đông, Nam và Tây Nam trông ra biển Đông với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái ở phía Bắc đến Hà Tiên ở phía Tây Nam.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



“Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía đông và đông nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Chỉ riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, các đảo Cát Hải, Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ... Xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Phía tây-nam và nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.”

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích: 331.236 km².

Dân số trung bình: 96.484.000 người.

Mật độ dân số: 291 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Toàn quốc gồm 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Trong đó gồm:

707 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 529 huyện, 49 quận, 52 thị xã và 77 thành phố.

10.614 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 8.298 xã, 1.711 phường và 605 xã.

QUY HOẠCH VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Hiện nay, thực hiện theo Nghị định 92/2006/NĐ-CP, nước ta được phân thành sáu vùng kinh tế - xã hội:

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc (14 tỉnh);

Vùng Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố);

Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền trung (14 tỉnh, thành phố);

Vùng Tây Nguyên (05 tỉnh);

Vùng Đông Nam Bộ (06 tỉnh, thành phố);

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố).



Phân vùng hiện trạng và đề xuất phân vùng mới. (Ảnh: HanoiData & Citysolution)

Triển khai Luật Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí và đề xuất các phương án phân vùng giai đoạn 2021 – 2030.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng và ý kiến các Bộ, ngành về phương án phân vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ hai phương án phân vùng.

GIAI ĐOẠN 2021-2030



Phương án 1

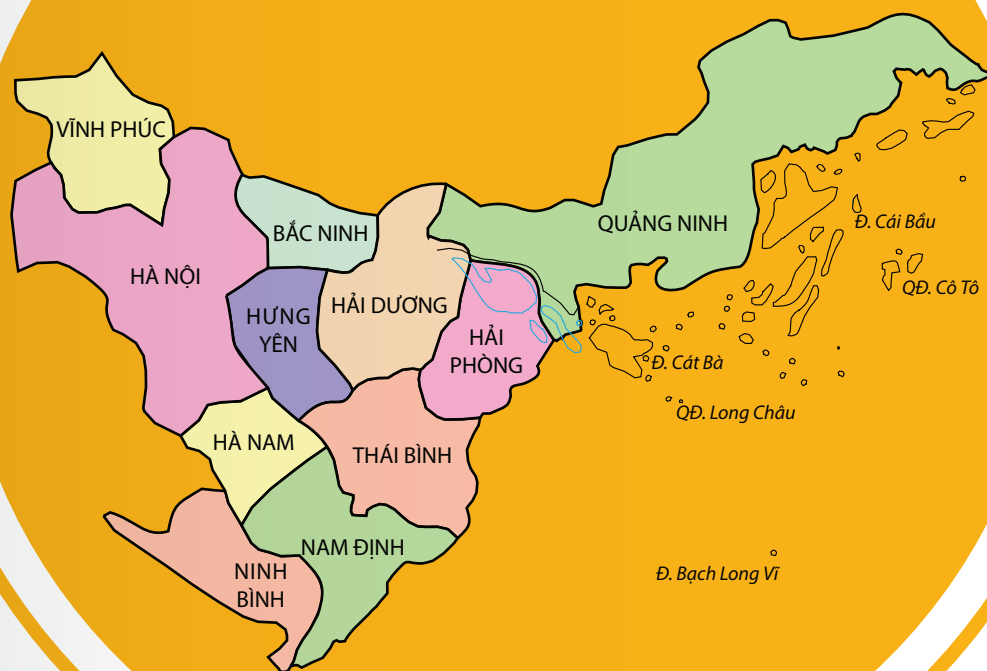
Giữ nguyên 2 vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, tách vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện tại thành vùng Đông Bắc và Tây Bắc, tách vùng duyên hải miền Trung hiện tại thành Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ (tỉnh Thừa Thiên-Huế đưa vào vùng Nam Trung Bộ), điều chỉnh 1 tỉnh (Bình Thuận) sang vùng Đông Nam Bộ và gộp 4 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông) vào vùng Nam Trung Bộ. Vùng Đông Nam Bộ mới được hình thành trên cơ sở vùng Đông Nam Bộ hiện nay và bổ sung thêm 2 tỉnh (Lâm Đồng và Bình Thuận).



Phương án 2

Tách vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thành 2 vùng, đó là vùng Bắc Trung Bộ và vùng Nam Trung Bộ (tỉnh Thừa Thiên-Huế ở vùng Bắc Trung Bộ), mở rộng vùng đồng bằng sông Hồng thêm các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang để trở thành vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ

Các vùng Tây Nguyên (5 tỉnh), Đông Nam Bộ (6 tỉnh, thành phố) và vùng đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố) vẫn giữ nguyên như hiện nay.



VỊ TRÍ

Đồng bằng sông Hồng là khu vực hạ lưu sông Hồng và sông Thái Bình, thuộc Bắc Bộ Việt Nam.

Phía Bắc và Đông Bắc giáp vùng Đông Bắc.

Phía Tây và Tây Nam là vùng Tây Bắc.

Phía Đông là vịnh Bắc Bộ.

Phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ.

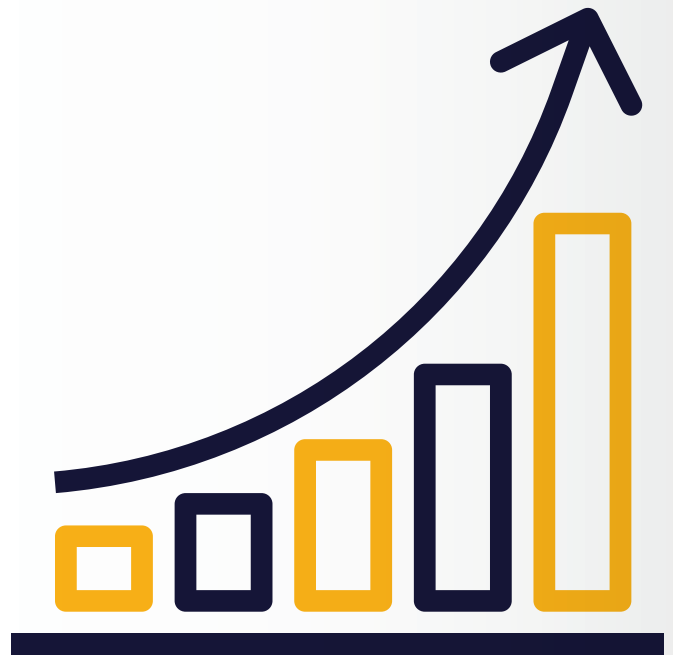
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích: 21.260,8 km².

Dân số trung bình: 22.620.200 người.

Mật độ dân số: 1.064 người/km².

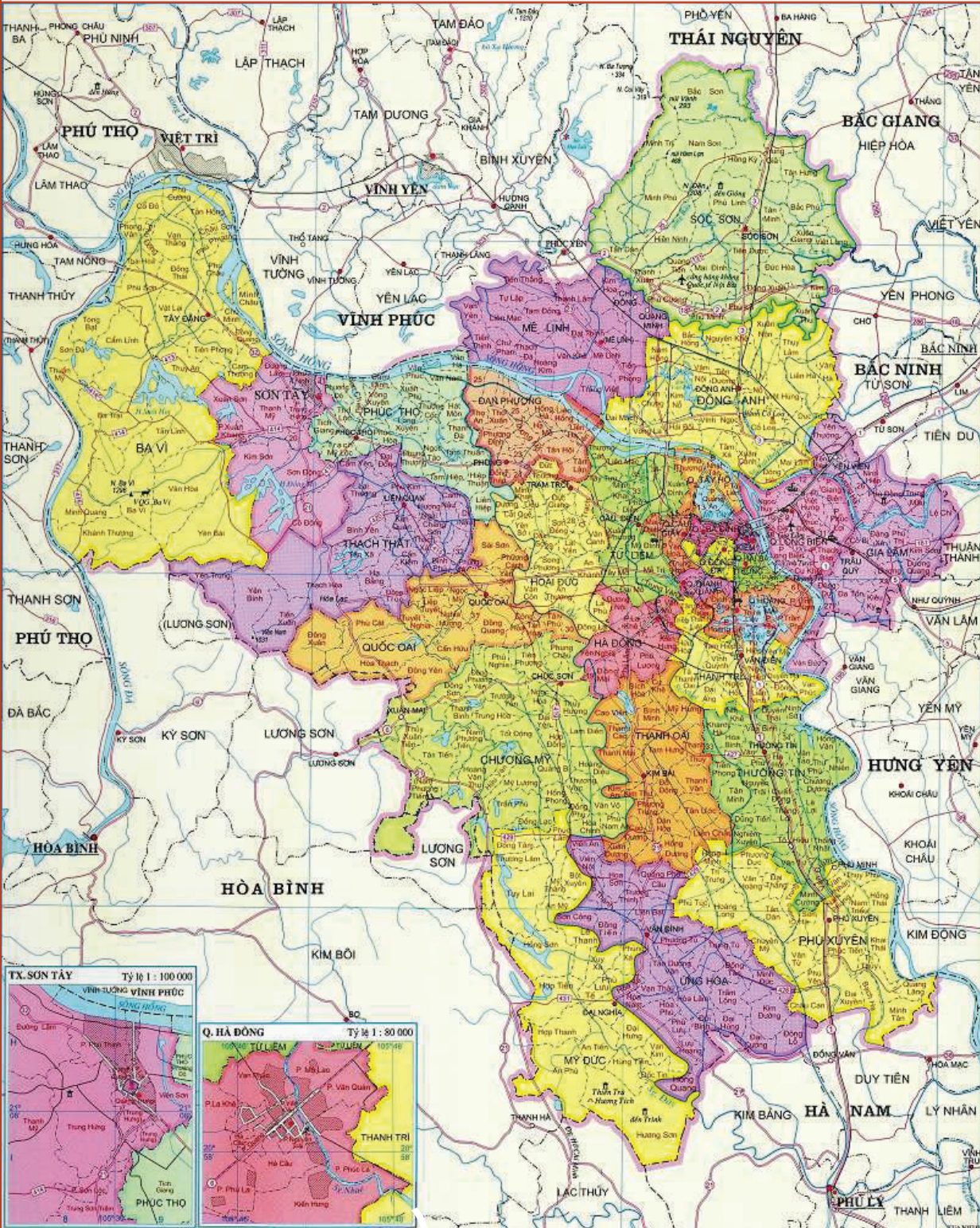


ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 11 tỉnh (Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Quảng Ninh, TP. Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên). Trong đó gồm:

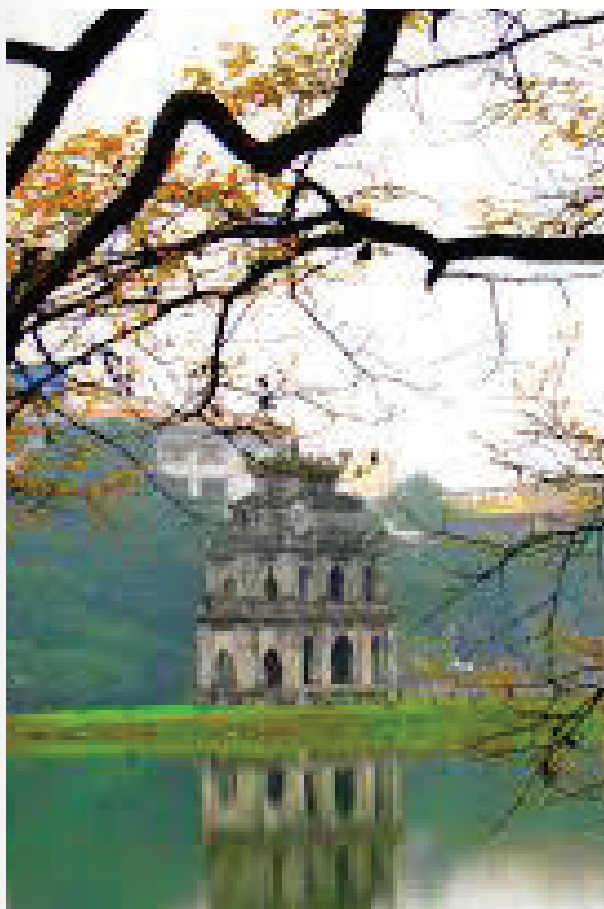
- 129 đơn vị hành chính cấp huyện (88 huyện, 119 quận, 07 thị xã và 15 thành phố).
- 2.369 đơn vị hành chính cấp xã (1.769 xã, 484 phường và 116 thị trấn).

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI



VỊ TRÍ

Vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với các tỉnh Thái Nguyên - Vĩnh Phúc ở phía Bắc; Hà Nam - Hòa Bình ở phía Nam; Bắc Giang- Bắc Ninh- Hưng Yên ở phía Đông và Hòa Bình- Phú Thọ ở phía Tây.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích: 3.358,6 km².

Dân số trung bình: 8.093.900 người.

Mật độ trung bình: 2.410 người

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Gồm 30 ĐVHC cấp quận, gồm:

1 thị xã: Thị xã Sơn Tây;

12 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Long Biên, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông;

17 huyện: Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Mê Linh, Ba Vì, Phúc Thọ, Đan Phượng, Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất, Chương Mỹ, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức.

Trong đó có 579 ĐVHC cấp xã, gồm: 383 xã, 175 phường, 21 thị trấn.

"Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về giao dịch kinh tế và quốc tế của cả nước."

BẮC NINH

VỊ TRÍ

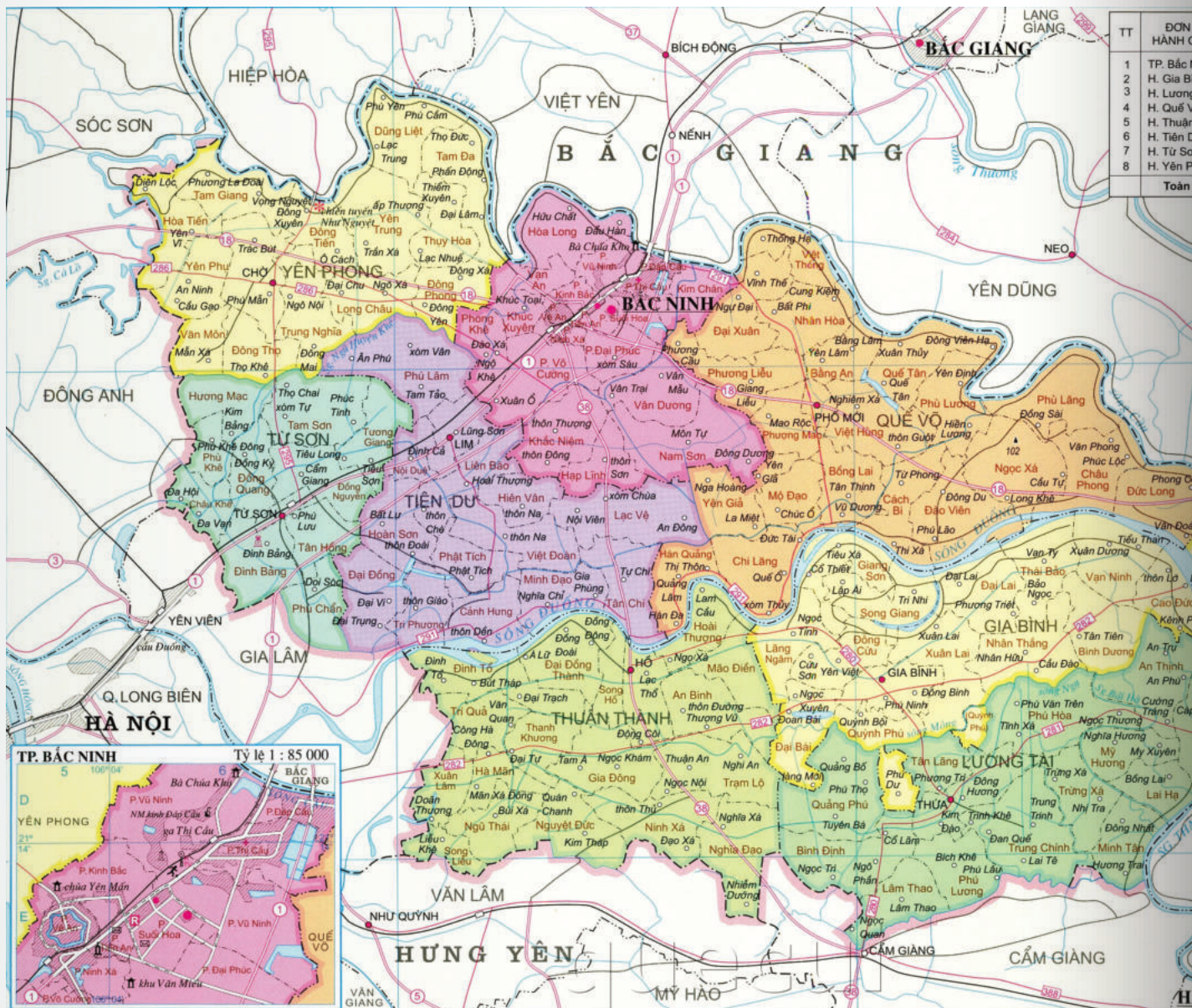
Bắc Ninh có vị trí địa lý nằm trong phạm vi từ 20°58' đến 21°16' vĩ độ Bắc và 105°54' đến 106°19' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang;

Phía Tây và Tây Nam giáp Thủ đô Hà Nội;

Phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên;

Phía Đông giáp tỉnh Hải Dương.



Bản đồ hành chính tỉnh Bắc Ninh (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ⁽¹⁾

Là tỉnh có tổng diện tích tự nhiên nhỏ nhất cả nước 822,7 km².

Theo niên giám thống kê tháng 12/2018, dân số Bắc Ninh là 1.247.454 người, mật độ 1.516 người/km²

VỊ CHỈNH	DIỆN TÍCH (Km ²)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người/km ²)
Ninh	80,3	150 300	1 872
Ninh	107,5	103 100	959
Tài	101,2	103 200	1 020
Đ	149,1	140 000	939
Thành	116,0	143 700	1 239
Du	96,2	119 700	1 244
n	61,4	123 300	2 008
Thong	95,2	121 900	1 280
tỉnh	806,9	1 005 200	1 246

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Tỉnh có 9 ĐVHC cấp huyện, gồm: Thành phố Vĩnh Yên - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh; thành phố Phúc Yên và 7 huyện (Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Dương, Tam Đảo, Lập Thạch và Sông Lô). Trong đó có 136 ĐVHC cấp xã, gồm 105 xã, 15 phường và 16 thị trấn.





VỊ TRÍ

Vị trí từ 21° 08' B đến 21° 9' B vĩ độ bắc và 105° 109' đến 105° 47' kinh độ đông, phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên, phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ, phía Nam giáp Hà Nội, phía Đông giáp 2 huyện Sóc Sơn và Đông Anh - Hà Nội.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Hiện nay, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích là 1.235,9 km².

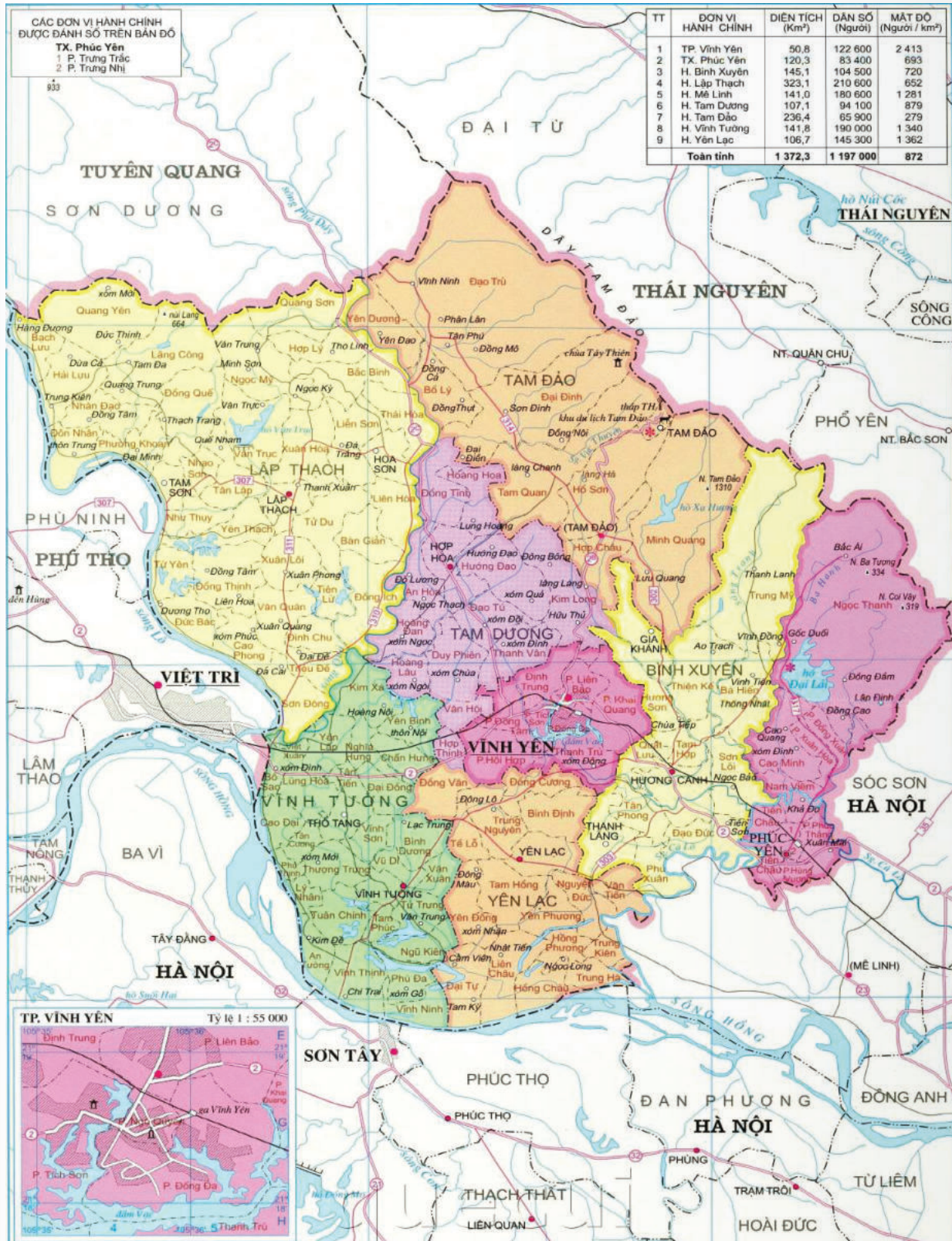
Báo cáo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019: Tính từ ngày 1/4/2019, toàn tỉnh có 1.151.154 người, mật độ 932 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Theo Nghị quyết số 868/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, toàn tỉnh có 9 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Vĩnh Yên - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh; thành phố Phúc Yên và 7 huyện (Binh Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Dương, Tam Đảo, Lập Thạch và Sông Lô). Trong đó có 136 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 105 xã, 15 phường và 16 thị trấn.

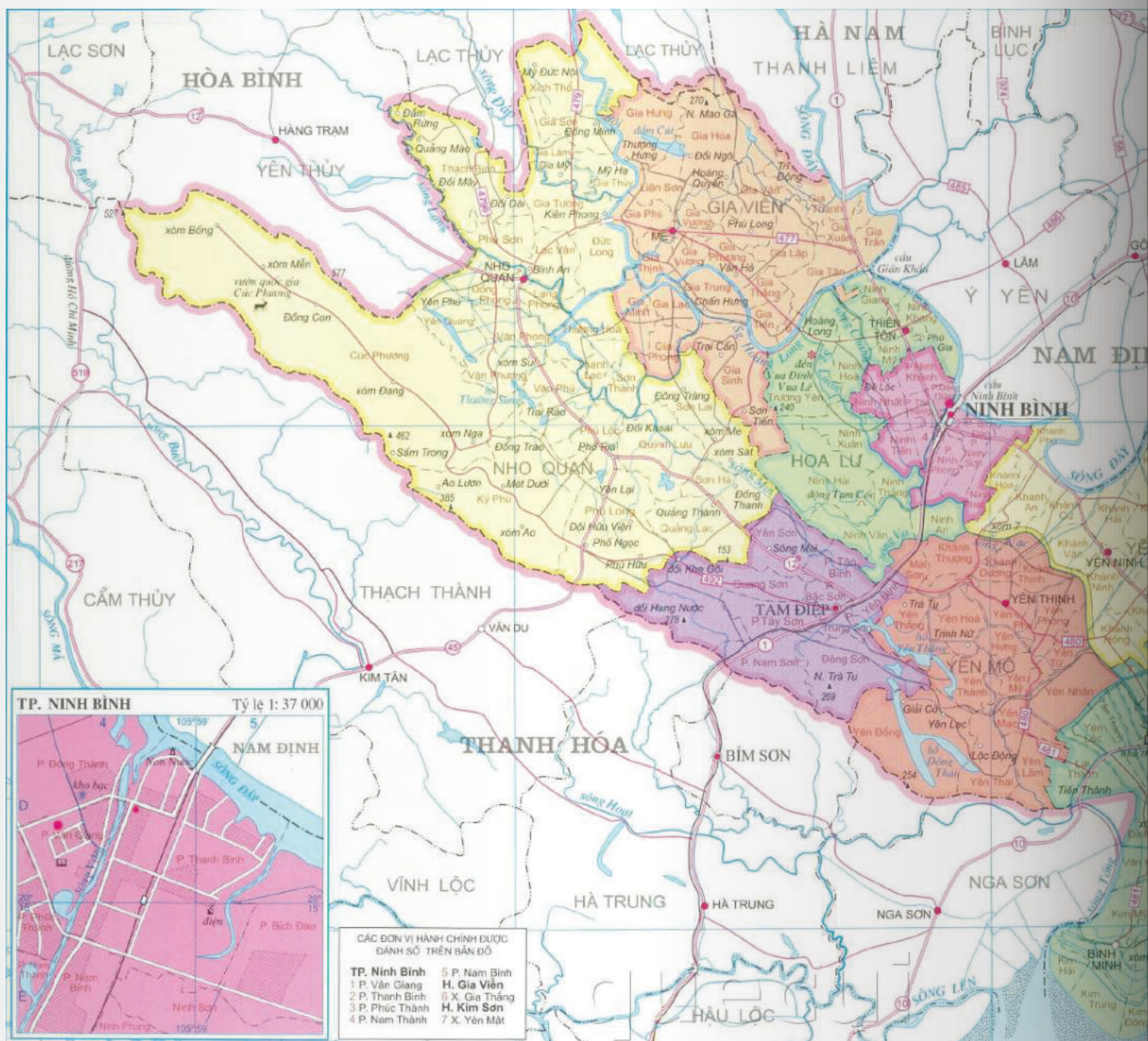
VĨNH PHÚC

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH VĨNH PHÚC



NINH BÌNH

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH NINH BÌNH





TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km ²)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người / km ²)
1	TP. Ninh Bình	48,4	130 500	2 696
2	TX. Tam Điệp	104,6	54 800	524
3	H. Gia Viễn	178,5	117 800	660
4	H. Hoa Lư	103,4	66 900	647
5	H. Kim Sơn	207,5	171 700	827
6	H. Nho Quan	457,2	145 200	318
7	H. Yên Khánh	137,8	141 500	1027
8	H. Yên Mô	144,1	119 400	829
Toàn tỉnh		1 381,5	947 800	686


01

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cực Nam đồng bằng Bắc bộ, 190 50' đến 200 27' độ Vĩ Bắc, 105032' đến 106027' độ Kinh Đông.

Phía Đông và Đông Bắc có sông Đáy bao quanh, giáp với hai tỉnh Hà Nam và Nam Định, phía Bắc giáp tỉnh Hoà Bình, phía Nam là biển Đông.

02

Diện tích: 1.386,8 km².

Dân số trung bình: 984.500 người

Mật độ dân số: 710 người/km² ⁽¹⁾.

03

Gồm 8 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 2 thành phố và 6 huyện với 143 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 119 xã, 17 phường và 7 thị trấn ⁽²⁾.

HẢI DƯƠNG

VỊ TRÍ

Trải dài từ 20°43' đến 21°14' độ vĩ Bắc,
106°03' đến 106°38' độ kinh Đông.

Phía đông giáp Thành phố Hải Phòng.

Phía tây giáp tỉnh Hưng Yên.

Phía nam giáp tỉnh Thái Bình.

Phía bắc giáp tỉnh Bắc Giang.



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH





Theo thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam 2019:

Diện tích tỉnh Hải Dương là 1.668,2 km²

Dân số là 1.892.254 người.

Mật độ dân số: 1.137 người/km².

Hải Dương có 12 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: Thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh và 10 huyện: Nam Sách, Kinh Môn, Kim Thành, Thanh Hà, Ninh Giang, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Cẩm Giàng và Bình Giang.

Trung tâm hành chính: Thành phố Hải Dương là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của cả tỉnh.



DIỆN TÍCH DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 1.561,8 km².

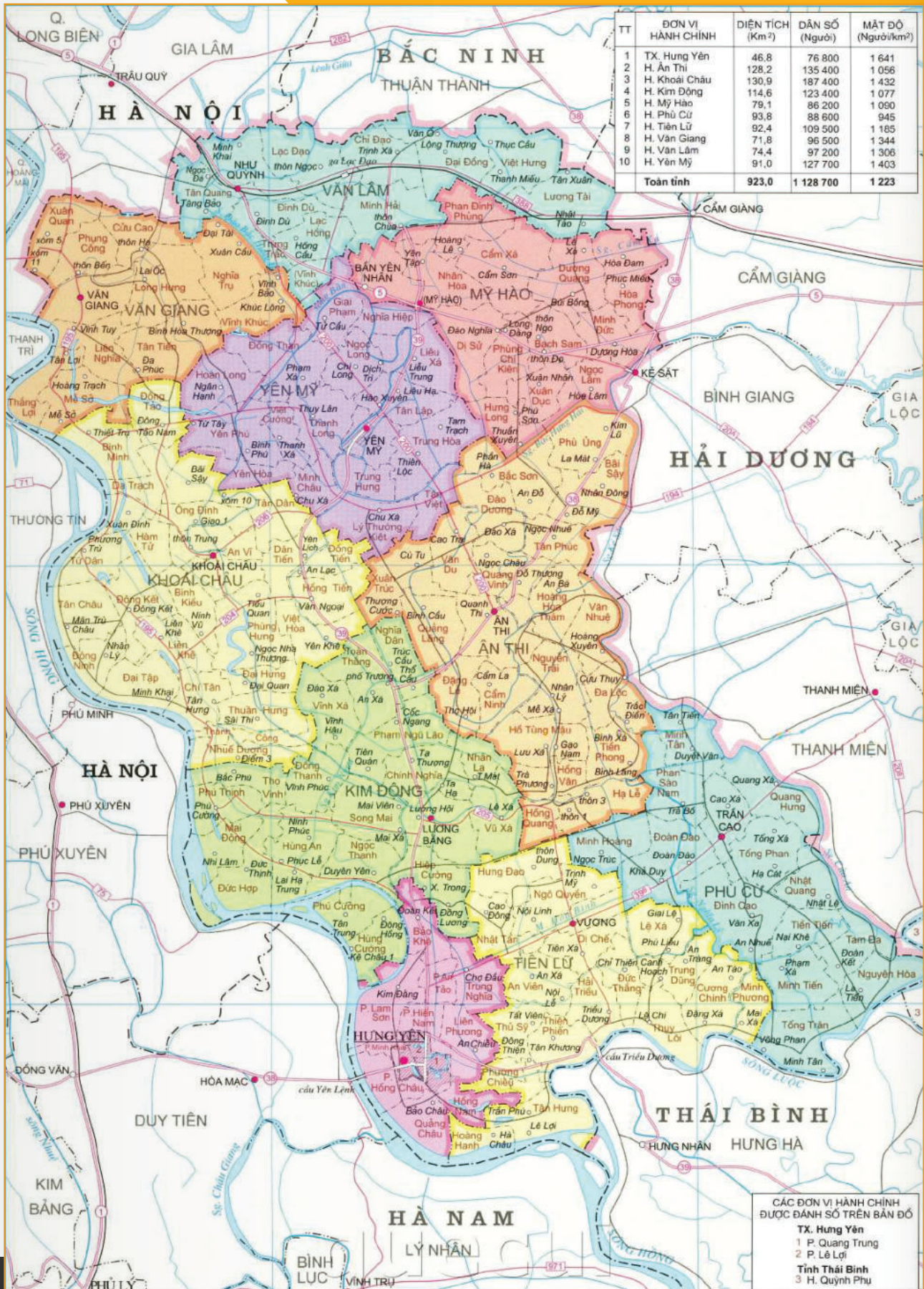
Dân số 2.028.514 người.

Mật độ 1.302 người/km²
(Tổng điều tra dân số và
nhà ở năm 2019)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Hải Phòng gồm 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 7 quận nội thành (Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Kiến An, Hải An, Đồ Sơn, Dương Kinh), 8 huyện ngoại thành (An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Thuỷ Nguyên, Vĩnh Bảo trong đó có 2 huyện đảo là Bạch Long Vĩ và Cát Hải) với 223 xã, phường và thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 930,2km².

Theo số liệu điều tra dân số tính đến thời điểm 0 giờ ngày 1.4.2019, tổng dân số toàn tỉnh là 1.252.731 người, mật độ dân số là 1.350 người/km².



VỊ TRÍ

Hưng Yên nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng với tọa độ 20°51'16"B và 106°00'58"Đ.

Phía Đông giáp tỉnh Hải Dương.

Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình.

Phía Tây và Tây Nam giáp Hà Nam.

Phía Bắc liền kề với thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh.



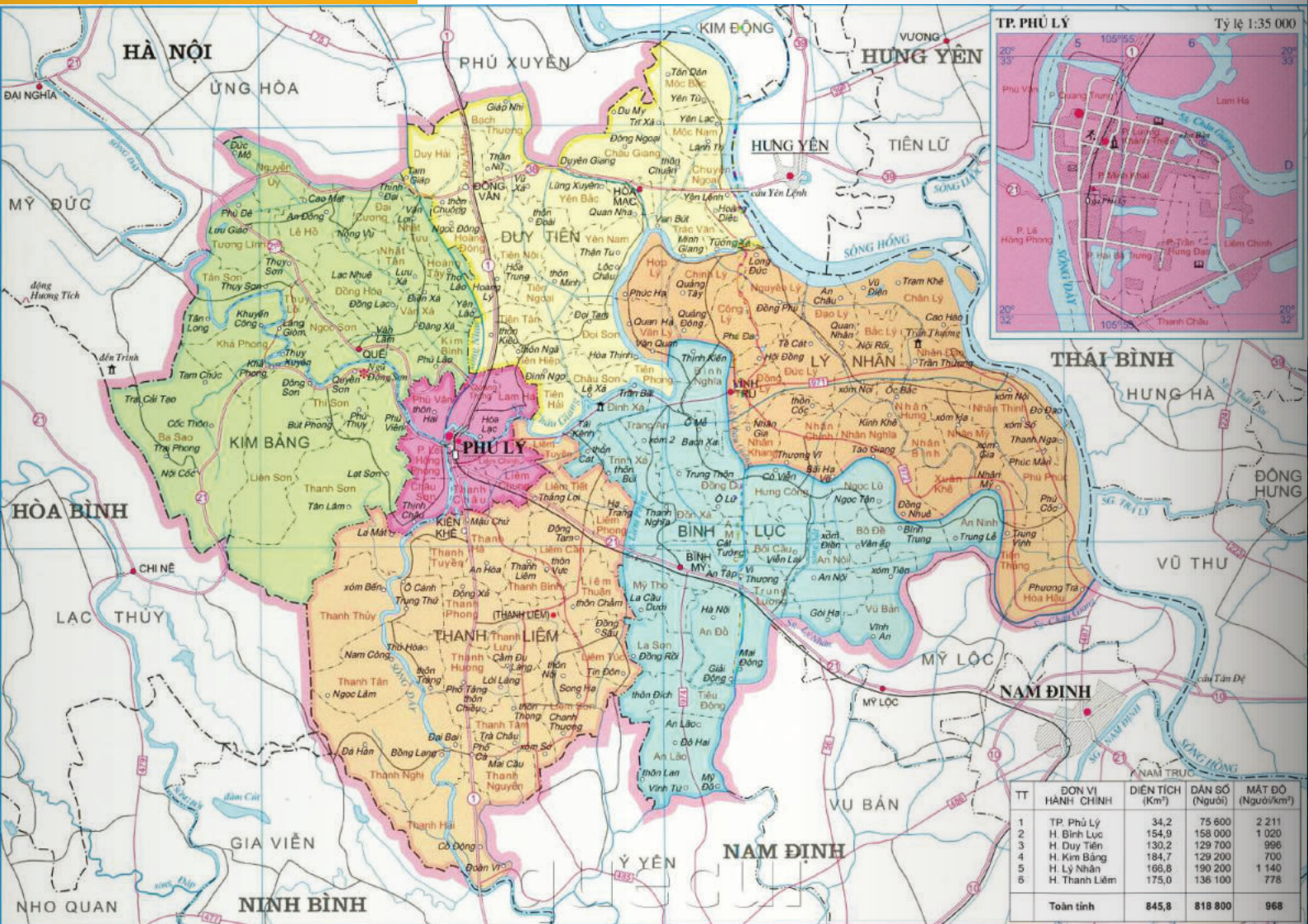
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Hưng Yên được phân chia thành 10 đơn vị hành chính bao gồm thành phố Hưng Yên và 9 huyện: Ân Thi, Khoái Châu, Kim Động, Mỹ Hào, Phù Cừ, Tiên Lữ, Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ với 163 xã, phường, thị trấn.

(Theo số liệu "Thống kê Đơn vị hành chính năm 2019" của Tổng cục Thống kê Việt Nam).



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ NAM



VỊ TRÍ

Hà Nam nằm ở tọa độ địa lý:

Từ 20°21' - 21°45' vĩ độ Bắc;

Từ 105°45' - 106°10' kinh độ Đông;

Phía Tây - Nam châu thổ sông Hồng.

Phía Bắc và Tây Bắc giáp với Hà Nội

(là cửa ngõ phía Nam của thủ đô);

Phía Đông giáp với Hưng Yên và Thái Bình;

Phía Nam giáp Nam Định;

Phía Tây và Tây Nam giáp Hòa Bình và Ninh Bình.

HÀ NAM

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích tỉnh Hà Nam là 861,9 km².

Dân số trung bình: 854.500 người.

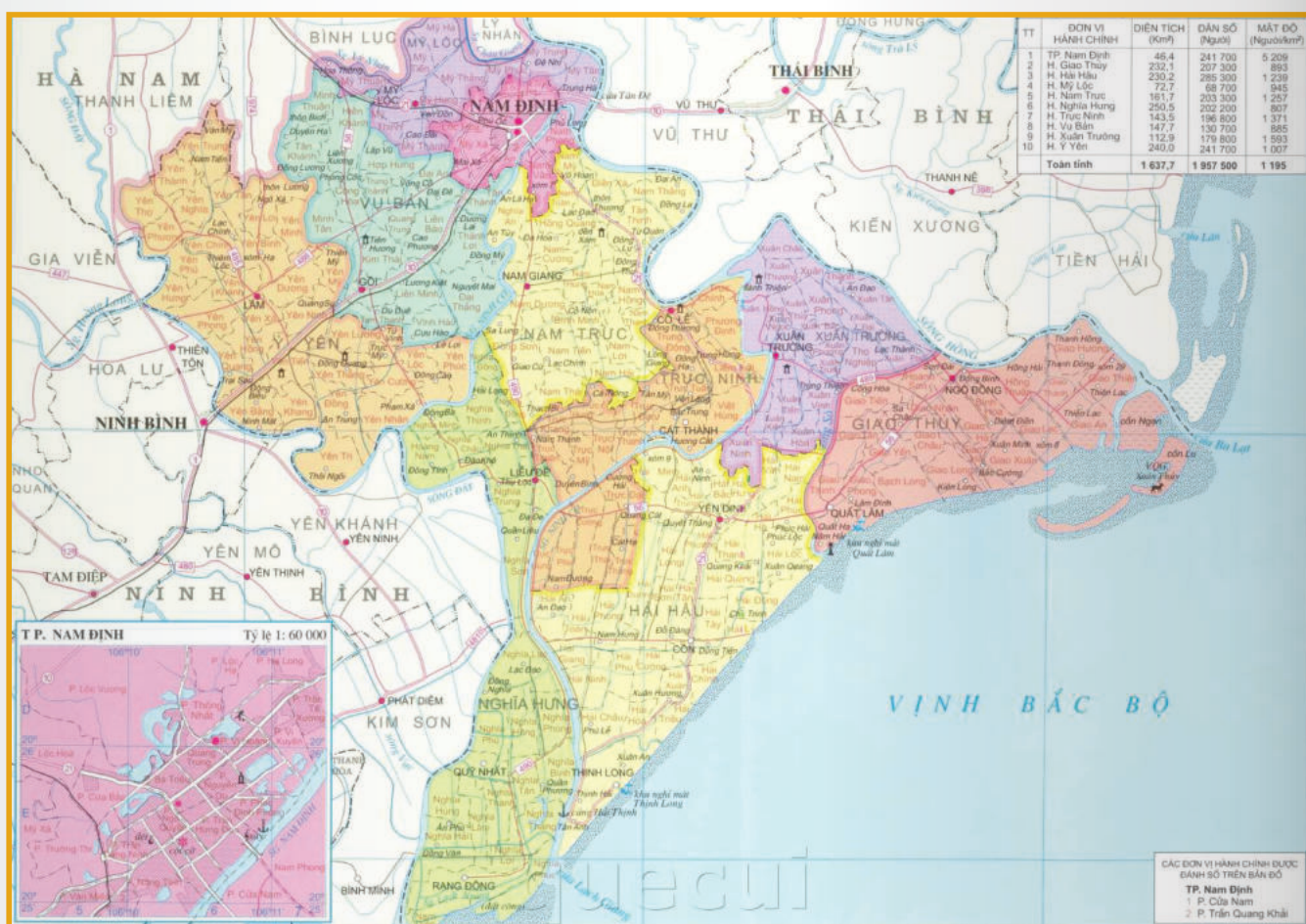
Mật độ 991 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Hà Nam bao gồm 6 ĐVHC cấp huyện và thành phố: thành phố Phủ Lý (tỉnh lỵ của tỉnh), huyện Duy Tiên, huyện Kim Bảng, huyện Lý Nhân, huyện Thanh Liêm và huyện Bình Lục với 116 xã, phường, thị trấn.

NAM ĐỊNH

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH NAM ĐỊNH



Bản đồ hành chính tỉnh Nam Định (Ảnh: Quecui)

VỊ TRÍ

Nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, tọa độ 19°54' đến 20°40' vĩ độ Bắc và từ 105°55' đến 106°45' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Thái Bình;
 Phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình;
 Phía Tây Bắc giáp tỉnh Hà Nam;
 Phía Đông giáp biển (vịnh Bắc Bộ).

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích tỉnh là 1.668,6 km².

Dân số trung bình 1.780.900 người.

Mật độ dân số 1.067 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Nam Định có 10 ĐVHC, trong đó có 09 huyện (Giao Thủy, Hải Hậu, Mỹ Lộc, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Trực Ninh, Vụ Bản, Xuân Trường, Ý Yên) và thành phố Nam Định (đô thị loại I) với 226 xã, phường, thị trấn.



THÁI BÌNH

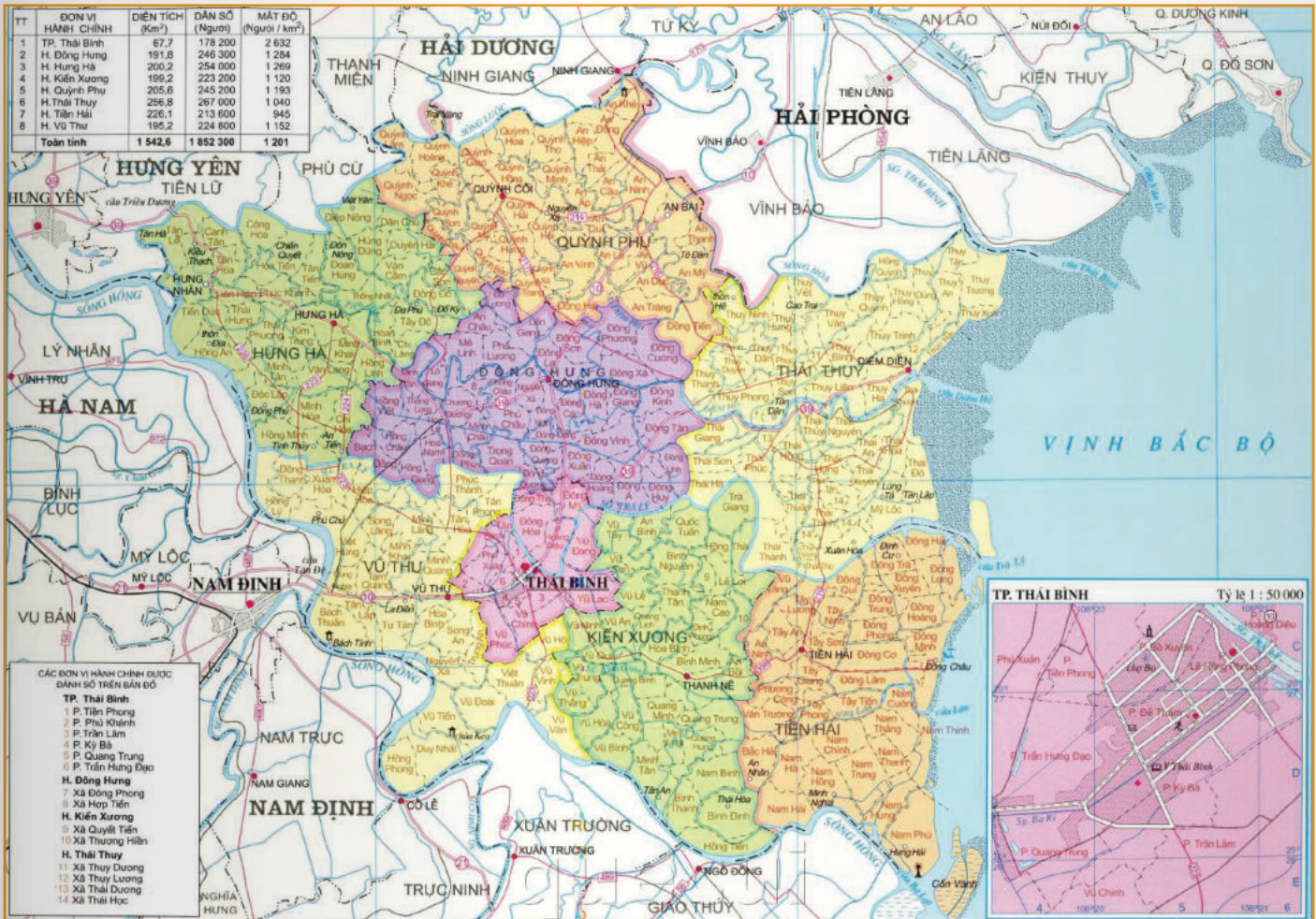


VỊ TRÍ

Thái Bình là một tỉnh ven biển ở đồng bằng sông Hồng, có tọa độ từ 20°18'B đến 20°44'B, 106°06'Đ đến 106°39'Đ.

Giáp tỉnh Hải Dương ở phía bắc
Giáp tỉnh Hưng Yên ở phía tây bắc
Giáp thành phố Hải Phòng ở phía đông bắc
Giáp tỉnh Hà Nam ở phía tây
Giáp tỉnh Nam Định ở phía tây và tây nam.
Phía đông giáp vịnh Bắc Bộ, Biển Đông.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI BÌNH



Bản đồ hành chính tỉnh Thái Bình (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 6.178,2 km²
Dân số trung bình: 1.324.800 người.
Mật độ dân số: 214 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Thái Bình có 8 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, bao gồm 1 thành phố và 7 huyện (Đông Hưng, Hưng Hà, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Tiền Hải, Vũ Thư) với 260 ĐVHC cấp xã, bao gồm 10 phường, 9 thị trấn và 241 xã.

QUẢNG NINH



Quảng Ninh là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc, với đường biên giới trên bộ dài 118,825 km và đường phân định Vịnh Bắc Bộ trên biển dài trên 191 km.



VỊ TRÍ

Quảng Ninh nằm ở địa đầu phía Đông Bắc Việt Nam, Toạ độ địa lý khoảng 106°26' đến 108°31' kinh độ đông và từ 20°40' đến 21°40' vĩ độ bắc.

Phía Đông Bắc của tỉnh giáp với Trung Quốc;
Phía Đông và Nam giáp vịnh Bắc Bộ;

Phía Tây Nam giáp tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng;

Phía tây bắc giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 6.178,2 km²

Dân số trung bình: 1.324.800 người.

Mật độ dân số: 214 người/km²

Quảng Ninh là tỉnh
khai thác than đá
chính của Việt Nam



QUẢNG NINH

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Quảng Ninh - tỉnh có nhiều thành phố trực thuộc nhất Việt Nam:
13 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, bao gồm 4 thành phố (Hạ Long, Cẩm Phả,
Móng Cái, Uông Bí), 2 thị xã (Đông Triều, Quảng Yên) và 7 huyện (Vân Đồn,
Tiên Yên, Hải Hà, Cô Tô, Đầm Hà, Bình Liêu, Ba Chẽ) với 177 ĐVHC cấp xã,
bao gồm 98 xã, 72 phường và 7 thị trấn.

Vịnh Hạ Long - di sản,
kỳ quan thiên nhiên thế giới.





TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ

VỊ TRÍ

Vùng trung du miền núi bắc bộ là vùng sơn địa và bán sơn địa thuộc Bắc Bộ Việt Nam.

Phía Bắc giáp 2 tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc.

Phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ.

Phía Đông giáp vùng Đồng bằng sông Hồng.

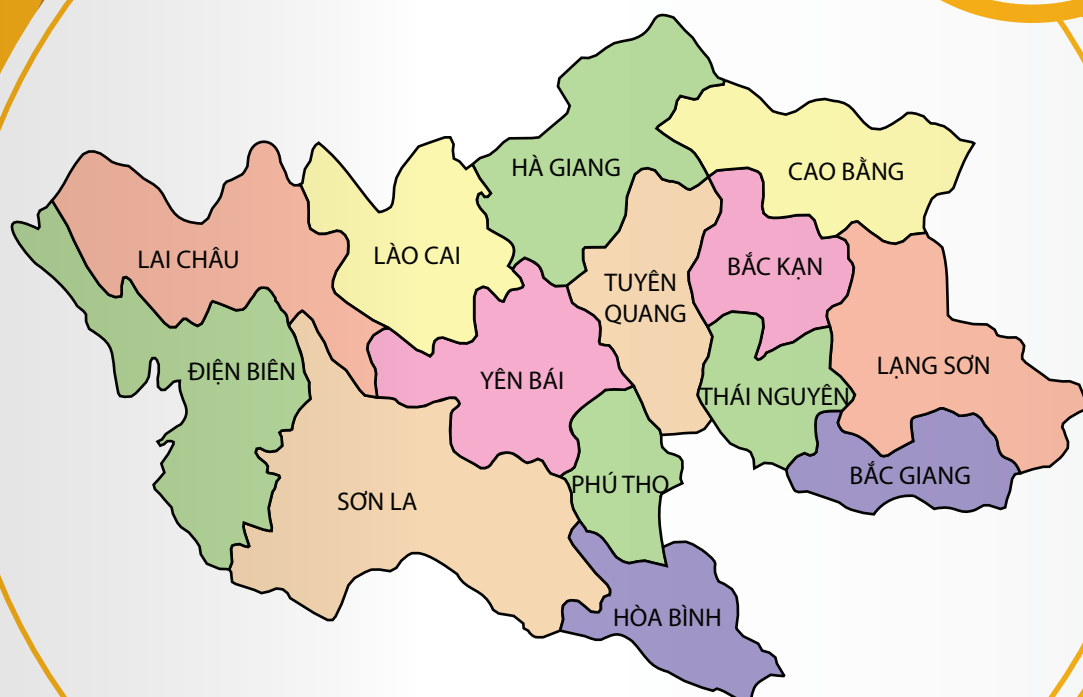
Phía Tây giáp nước CHDCND Lào.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích: 95.221,9 km²

Dân số trung bình 12.569.300 người

Mật độ dân số: 132 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Vùng Trung du miền núi Bắc bộ gồm 14 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ). Trong đó gồm:
137 đơn vị hành chính cấp huyện (117 huyện, 05 thị xã và 15 thành phố).
2.327 đơn vị hành chính cấp xã (2.039 xã, 152 phường và 136 thị trấn).

LAI CHÂU

VỊ TRÍ

Lai Châu là tỉnh miền núi biên giới vùng Tây Bắc, tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 21°41' đến 22°49' vĩ độ Bắc và từ 102°19' đến 103°59' kinh độ Đông;

Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và tỉnh Lào Cai;

Phía Nam giáp tỉnh Điện Biên;

Phía Đông giáp tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái;

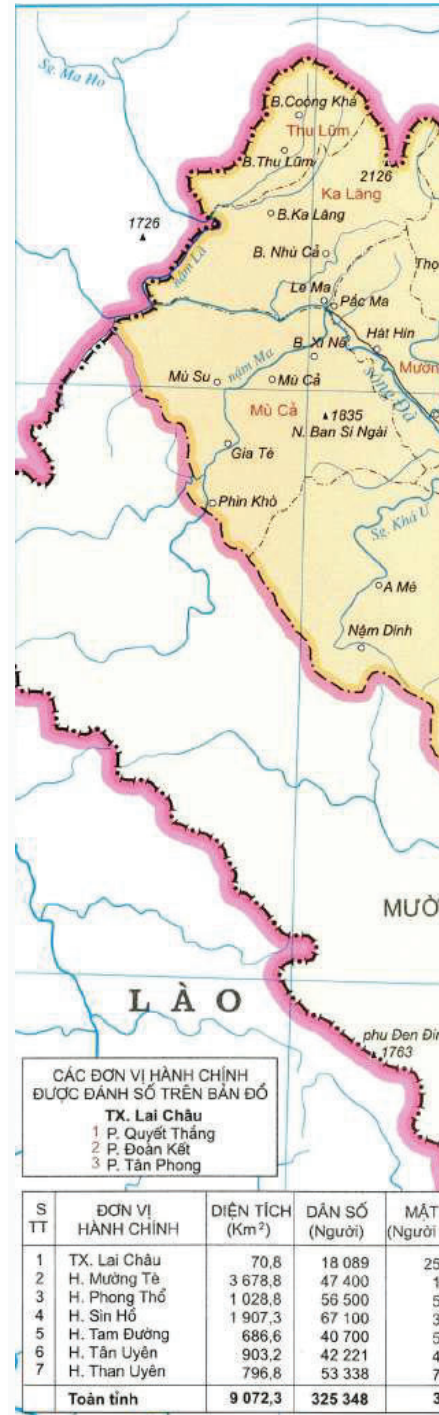
Phía Tây giáp tỉnh Điện Biên và tỉnh Sơn La.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Lai Châu là 9.068,78 km² - đứng thứ 10 trong số 63 tỉnh, thành phố về diện tích tự nhiên.

Dân số toàn tỉnh: 463.911 người.

Mật độ dân số: 51 người/km².



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LAI CHÂU



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (2)

Lai Châu được chia thành 08 ĐVHC cấp huyện: thành phố Lai Châu và 07 huyện (Tam Đường, Phong Thổ, Sin Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Than Uyên, Tân Uyên) và 106 ĐVHC cấp xã, gồm 94 xã, 05 phường và 07 thị trấn.

LÀO CAI



VỊ TRÍ

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới thuộc vùng Trung du miền núi Bắc bộ, giáp ranh giữa vùng Tây Bắc và vùng Đông Bắc, có tọa độ 22°22'48"B và 104°09'28"Đ.

Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang;

Phía Nam giáp tỉnh Yên Bái;

Phía Tây giáp tỉnh Lai Châu;

Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc với 203 km đường biên giới.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

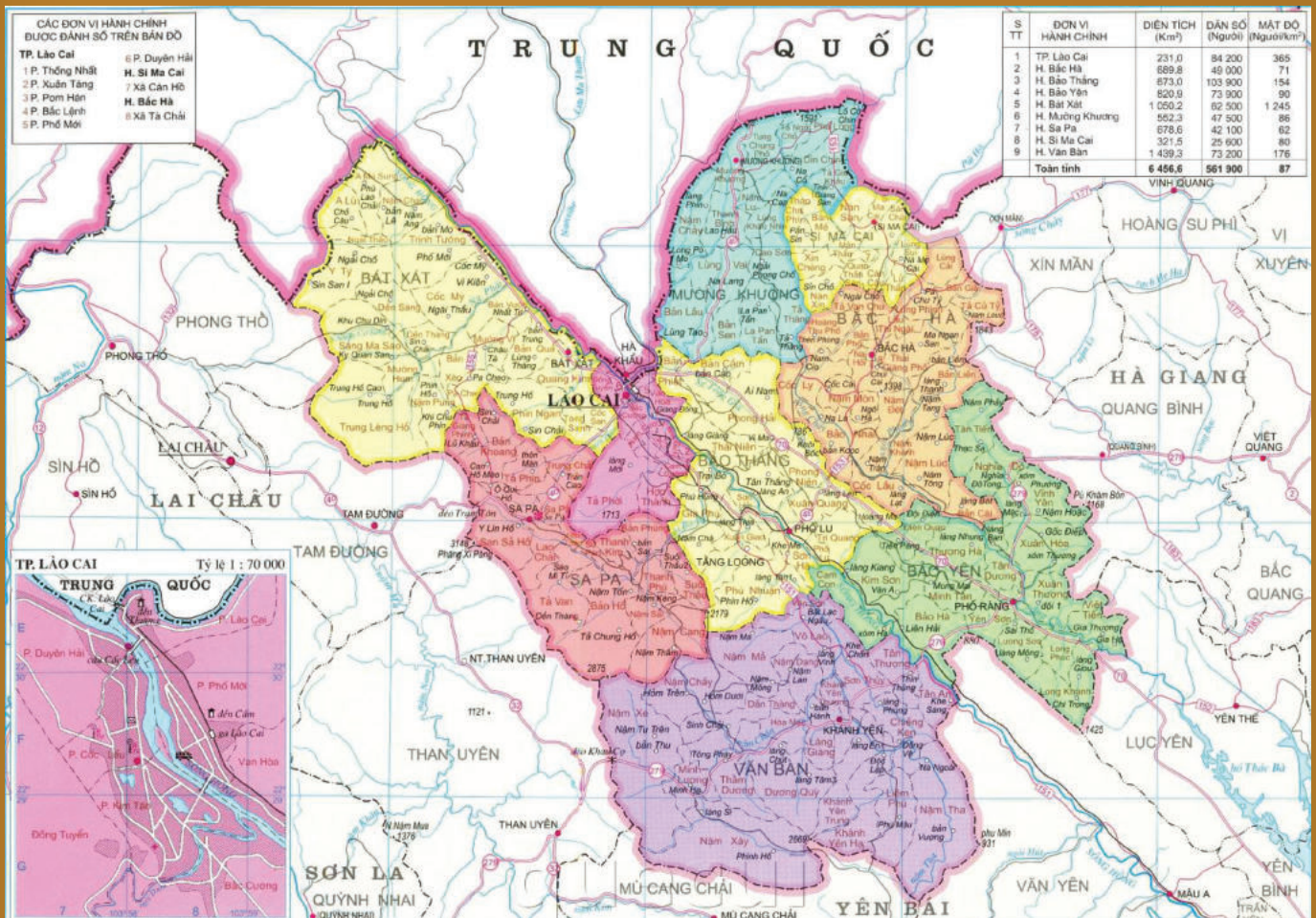
Diện tích tỉnh: 6.364 km².

Dân số trung bình: 730.420 người.

Mật độ dân số: 115 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Lào Cai có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, bao gồm thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và 7 huyện (Bát Xát, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai, Văn Bàn) với 152 ĐVHC cấp xã, gồm 128 xã, 15 phường và 09 thị trấn.



HÀ GIANG

VỊ TRÍ

Tỉnh Hà Giang thuộc vùng Trung du miền núi Bắc bộ, có tọa độ địa lý 22°49'00"B và 104°58'51"Đ.

Phía bắc và tây giáp Trung Quốc với đường biên giới dài 274 km; phía đông giáp tỉnh Cao Bằng; phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang; phía tây và tây nam giáp tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích tự nhiên là 7.929,5 km².
Dân số trung bình 858.100 người.
Mật độ 108 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 11, gồm thành phố Hà Giang và 10 huyện (Bắc Mê, Bắc Quang, Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Mèo Vạc, Quản Bạ, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Yên Minh).

ĐVHC cấp xã: 193, gồm 175 xã, 05 phường và 13 thị trấn.

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 71, gồm 60 xã, 06 phường và 05 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ GIANG

HÀ GIANG



Bản đồ hành chính tỉnh Hà Giang (Ảnh: Quecui)

CAO BẰNG

VỊ TRÍ

Cao Bằng là tỉnh miền núi thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, giới hạn trong tọa độ địa lý từ 22°21'21" đến 23°07'12" vĩ độ Bắc và từ 105°16'15" đến 106°50'25" kinh độ Đông.

Phía Bắc và Đông Bắc giáp Quảng Tây (Trung Quốc), đường biên giới dài trên 333 km;

Phía Tây giáp 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang;

Phía Nam giáp 2 tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn.





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 6.700,3 km²

Dân số trung bình 530.900 người.

Mật độ 79 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Cao Bằng có 10 ĐVHC cấp huyện, bao gồm thành phố Cao Bằng và 9 huyện (Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa, Hòa An, Nguyên Bình, Thạch An) với 161 ĐVHC cấp xã, bao gồm 14 thị trấn, 8 phường và 139 xã.

LẠNG SƠN

VỊ TRÍ

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi biên giới, với tọa độ địa lý 21°51'14"B và 106°45'40"Đ.

Lạng Sơn có 2 cửa khẩu quốc tế: cửa khẩu Ga đường sắt Đồng Đăng huyện Cao Lộc và cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị; có một cửa khẩu quốc gia: Chi Ma (Huyện Lộc Bình) và 10 lối mở biên giới với Trung Quốc.

Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng;

Phía Đông bắc giáp Sùng Tả (Quảng Tây, Trung Quốc) với đường biên giới dài trên 231 km;

Phía Nam giáp tỉnh Bắc Giang;

Phía Đông Nam giáp tỉnh Quảng Ninh;

Phía Tây giáp tỉnh Bắc Kạn;

Phía Tây Nam giáp tỉnh Thái Nguyên.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LẠNG SƠN



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 8.310,1 km²

Dân số trung bình 782.800 người

Mật độ dân số 94 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Lạng Sơn có 11 ĐVHC cấp huyện, bao gồm thành phố Lạng Sơn và 10 huyện (Bình Gia, Văn Lãng, Cao Lộc, Chi Lăng, Đình Lập, Hữu Lũng, Lộc Bình, Tràng Định, Văn Quan, Bắc Sơn) với 200 ĐVHC cấp xã, bao gồm 181 xã, 5 phường và 14 thị trấn.

Lạng Sơn là điểm đầu tiên của Việt Nam trên 2 tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (tham gia hành lang xuyên Á: Nam Ninh - Singapore), là cửa ngõ quan trọng nối Trung Quốc và các nước ASEAN.

ĐIỆN BIÊN

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐIỆN BIÊN



VỊ TRÍ

Điện Biên là một tỉnh biên giới miền núi thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc, có tọa độ địa lý 20°54' – 22°33' vĩ độ Bắc và 102°10' – 103°36' kinh độ Đông.

Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La;

Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

Phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) đường biên giới 40,86 km ;

Phía Tây và Tây Nam giáp CHDCND Lào, đường biên giới 414,712 km.

Là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 2 quốc gia Lào và Trung hơn 455 km; có đường giao thông đi các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, có đường hàng không từ Điện Biên Phủ đi Hà Nội với tần suất bay bình quân ngày 02 chuyến

Bản đồ hành chính tỉnh Điện Biên (Ảnh: Quecui)



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 9.541,3 km²

Dân số trung bình 601.700 người

Mật độ dân số 63 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Điện Biên gồm 10 ĐVHC cấp huyện, bao gồm thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và 08 huyện (Mường Nhé, Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng, Nậm Bò) với 129 ĐVHC cấp xã, bao gồm 125 xã, 09 phường và 05 thị trấn.

SƠN LA

VỊ TRÍ

Sơn La là tỉnh miền núi cao nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam trong khoảng 20°39" – 22°02" vĩ độ Bắc và 103°11" – 105°02" kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, Yên Bái;

Phía Đông giáp tỉnh Phú Thọ, Hoà Bình;

Phía Tây giáp tỉnh Điện Biên;

Phía Nam giáp tỉnh Thanh Hoá và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 14.123,5 km²

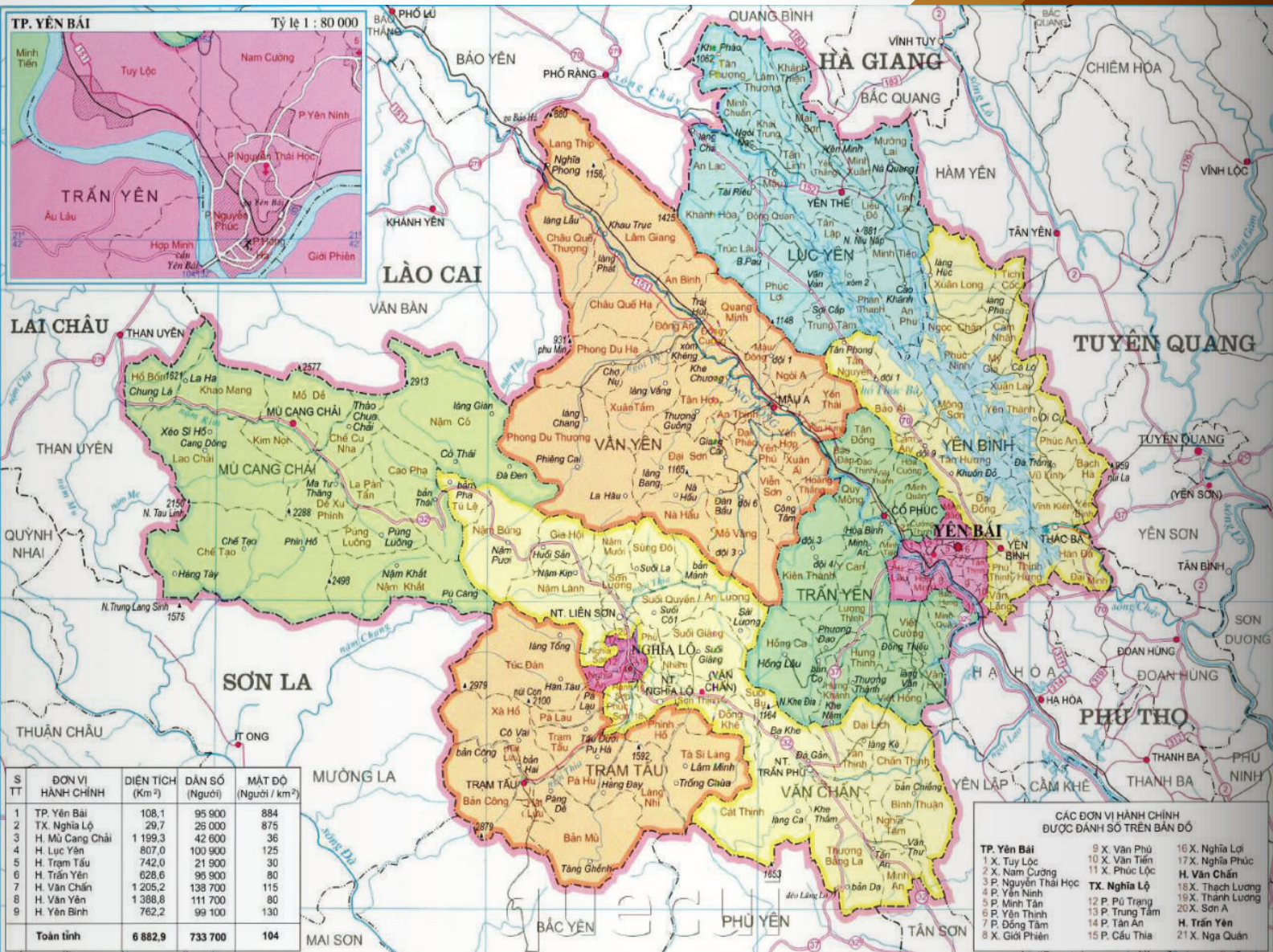
Dân số trung bình 1.252.700 người

Mật độ dân số: 89 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Sơn La gồm 12 ĐVHC cấp huyện, bao gồm thành phố Sơn La và 11 huyện (Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Sốp Cộp, Vân Hồ) với 204 ĐVHC cấp xã, bao gồm 188 xã, 07 phường và 09 thị trấn.

YÊN BÁI



Bản bản hồ hành hình tỉnh Yên Bái (Ảnh: Quecui)

VỊ TRÍ

Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc nằm ở trung tâm Trung du miền núi Bắc Bộ Việt Nam. Phạm vi giới hạn ở toạ độ địa lý từ 21024' - 22016' vĩ độ Bắc; 103056' - 105003' kinh độ Đông.

Phía Tây Bắc giáp tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu;

Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang;

Phía Đông Nam giáp tỉnh Phú Thọ;

Phía Tây giáp tỉnh Sơn La.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích: 6.887,5 km².

Dân số trung bình 823.000 người.

Mật độ 119 người/km²

YÊN BÁI



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Toàn tỉnh Yên Bái có 09 ĐVHC cấp huyện, gồm Thành phố Yên Bái, Thị xã Nghĩa Lộ và 07 huyện (Trạm Tấu; Mù Cang Chải; Văn Chấn; Văn Yên; Lục Yên; Trấn Yên; Yên Bình) với 173 ĐVHC cấp xã (gồm 150 xã, 10 thị trấn và 13 phường).

TUYÊN QUANG

VỊ TRÍ

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Bắc, có tọa độ địa lý 21°30' - 22°40' vĩ độ Bắc và 103°50' - 105°40' kinh độ Đông

Phía Bắc giáp tỉnh Hà Giang;
Phía Đông giáp tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên;
Phía Tây giáp tỉnh Yên Bái;
Phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 5.867,9 km²
Dân số trung bình: 786.300 người
Mật độ: 134 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tuyên Quang có 07 ĐVHC, trong đó có 01 thành phố (thành phố Tuyên Quang) và 06 huyện (Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương) với 138 ĐVHC cấp xã (gồm 124 xã, 10 phường, 04 thị trấn).

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km²)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người / km²)
1	TX. Tuyên Quang	43,7	55 400	1 268
2	H. Chiêm Hóa	1 455,8	139 300	96
3	H. Hàm Yên	897,7	109 500	122
4	H. Na Hang	1 471,7	54 700	37
5	H. Sơn Dương	789,3	174 100	221
6	H. Yên Sơn	1 210,0	187 400	155
	Toàn tỉnh	5 668,2	720 400	123

Land&Life | 53

BẮC KẠN

VỊ TRÍ

Toạ độ địa lý 22°44' đến 21°48' vĩ độ Bắc, 106°15' đến 105°26' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng;
Phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn;
Phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên;
Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 4.860 km²
Dân số trung bình: 314.400 người
Mật độ: 65 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Bắc Kạn có 8 ĐVHC, trong đó có 01 thành phố (thành phố Bắc Kạn) và 07 huyện (Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Ngân Sơn, Pác Nặm) với 108 ĐVHC cấp xã (96 xã, 06 phường, 06 thị trấn).

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC KẠN



Bản đồ hành chính tỉnh Bắc Kạn (Ảnh: Quecui)

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG THÁI NGUYÊN



THÁI NGUYÊN

VỊ TRÍ

Toạ độ địa lý 21°20' đến 22°03' vĩ độ Bắc và từ 105°52' đến 106°14' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn;
Phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn ;
Phía Nam giáp thủ đô Hà Nội;
Phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 3.526.6 km²
Dân số trung bình: 1.290.900 người
Mật độ: 366 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Thái Nguyên có 9 ĐVHC: 02 Thành phố (thành phố Thái Nguyên và thành phố Sông Công), thị xã Phổ Yên và 06 huyện (Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Bình). Tổng số gồm 178 xã (137 xã, 32 phường và 09 thị trấn).

BẮC GIANG

VỊ TRÍ

Vị trí địa lý tỉnh Bắc Giang nằm ở tọa độ từ 21°07' đến 21°37' vĩ độ bắc; từ 105°53' đến 107°02' kinh độ Đông.

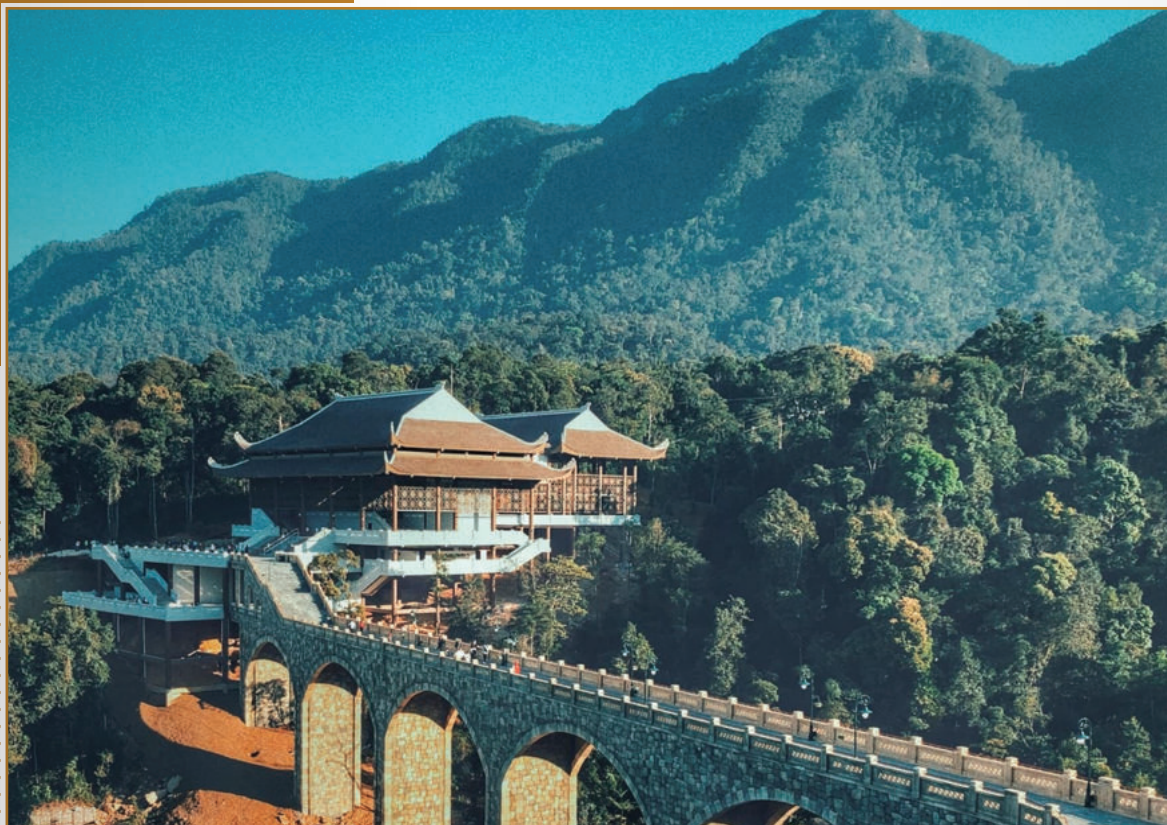
Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn

Phía Tây và Tây Bắc giáp thành phố Hà Nội, Thái Nguyên

Phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh.



Bản đồ hành chính tỉnh Bắc Giang (Ảnh: Quecui)



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 3.895,6 km²

Dân số trung bình: 1.810.400 người

Mật độ: 465 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Bắc Giang hiện có 01 thành phố Bắc Giang và 09 huyện (Hiệp Hòa, Việt Yên, Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang); với 209 ĐVHC cấp xã (184 xã, 10 phường, 15 thị trấn)

HÒA BÌNH

VỊ TRÍ

Toạ độ địa lý 20°19' - 21°08' vĩ độ Bắc,
104°48' - 105°40' kinh độ Đông.

Phía Đông giáp thủ đô Hà Nội.

Phía Bắc giáp tỉnh Phú Thọ.

Phía Tây giáp tỉnh Sơn La và Thanh Hóa.

Phía Đông Nam giáp tỉnh Hà Nam, Ninh Bình





Bản đồ hành chính tỉnh Hòa Bình (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 4.590,6 km²

Dân số trung bình: 855.800 người

Mật độ: 186 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Hòa Bình có 10 ĐVHC cấp huyện, gồm 09 huyện (Cao Phong, Đà Bắc, Kim Bôi, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Lương Sơn, Mai Châu, Tân Lạc, Yên Thủy) và thành phố Hòa Bình; 151 ĐVHC cấp xã, gồm 131 xã, 10 phường và 10 thị trấn.

PHÚ THỌ



VỊ TRÍ

Phú Thọ là tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, có tọa độ địa lý từ $20^{\circ}55'$ đến $21^{\circ}43'$ vĩ độ Bắc, $104^{\circ}48'$ đến $105^{\circ}27'$ kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang;
Phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình;
Phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc;
Phía Đông Nam giáp thủ đô Hà Nội;
Phía Tây giáp tỉnh Sơn La, Yên Bái.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 3.534,6 km²

Dân số trung bình: 1.466.400 người

Mật độ: 415 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Phú Thọ có 13 ĐVHC cấp huyện gồm: thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, 11 huyện (Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Thanh Ba, Đuan Hùng, Lâm Thao, Phù Ninh) và 225 ĐVHC cấp xã (197 xã, 17 phường và 11 thị trấn).



VỊ TRÍ

Phía Bắc giáp khu vực đồng bằng Sông Hồng và Trung du miền núi vùng Bắc Bộ;

Phía Nam giáp các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai và Bà Rịa-Vũng Tàu vùng Nam Bộ;

Phía Đông giáp Biển Đông;

Phía Tây giáp Tây Nguyên.

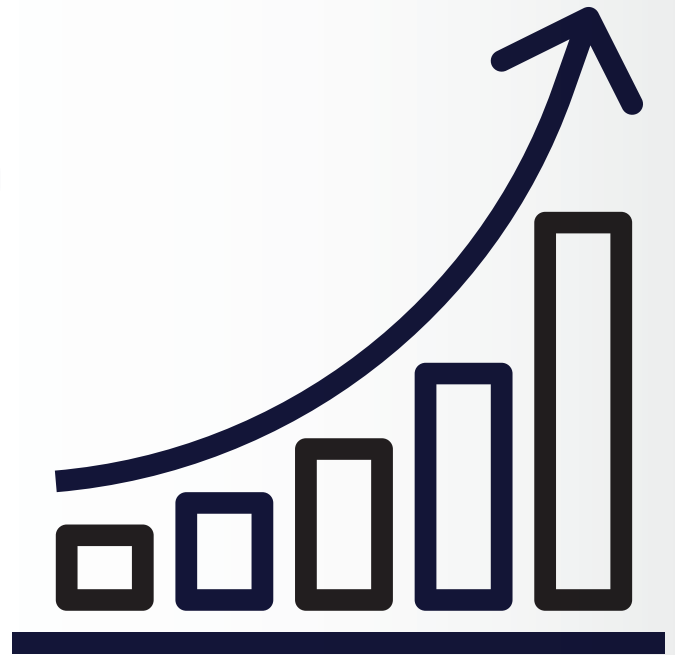
BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích: 95.875,8 km²

Dân số trung bình: 20.220.400 người

Mật độ: 211 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Miền Trung bộ gồm 14 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, TP. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa). Trong đó gồm:

- 173 đơn vị hành chính cấp huyện (132 huyện, 06 quận, 19 thị xã và 16 thành phố).
- 2.723 đơn vị hành chính cấp xã (2.201 xã, 379 phường và 143 thị trấn).

THANH HÓA

VỊ TRÍ

Thanh Hoá là một tỉnh lớn của Bắc Trung Bộ có toạ độ địa lý 20°40'B đến 19°18'B; 106°04'Đ đến 104°22'Đ.

Phía Bắc: giáp 3 tỉnh, gồm: Sơn La, Hoà Bình, Ninh Bình.

Phía Nam : giáp Nghệ An

Phía Đông: giáp biển Đông với chiều dài đường bờ biển 102 km.

Phía Tây: giáp tỉnh Hủa Phăn của nước CHDCND Lào với đường biên giới dài 192km

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 11.114,6 km² (lớn thứ 5 cả nước)

Dân số trung bình: 3.645.800 người

Mật độ: 328 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Thanh Hóa gồm:

27 ĐVHC cấp huyện gồm: 2 thành phố (Thanh Hóa, Sầm Sơn), 2 thị xã (Bỉm Sơn, Nghi Sơn), 23 huyện (Đông Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Nông Cống, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Huyện Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát).

559 ĐVHC cấp xã, gồm: 481 xã, 50 phường và 28 thị trấn.

NGHỆ AN

VỊ TRÍ

Nghệ An nằm ở vĩ độ 18°33' đến 20°01' vĩ độ Bắc, kinh độ 103°52' đến 105°48' kinh độ Đông, ở vị trí trung tâm vùng Bắc Trung Bộ.

Phía Bắc giáp tỉnh Thanh Hóa.

Phía Nam giáp tỉnh Hà Tĩnh.

Phía Tây giáp nước CHDCND Lào với 419 km đường biên giới trên bộ;

Phía Đông giáp biển Đông với đường bờ biển dài 82 km



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 16.481,4 km² (lớn nhất cả nước)

Dân số trung bình: 3.337.200 người

Mật độ: 202 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Nghệ An gồm:

21 ĐVHC trực thuộc, bao gồm: Thành phố Vinh - đô thị loại 1 - trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh và của cả khu vực Bắc Trung bộ, 3 thị xã (Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hoà); 17 huyện (Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành, Đô Lương, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn);

460 ĐVHC cấp xã (gồm 411 xã, 32 phường, 17 thị trấn).



HÀ TĨNH

VỊ TRÍ

Hà Tĩnh trải dài từ 17°54' đến 18°37' vĩ Bắc và từ 106°30' đến 105°07' kinh Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An;

Phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình;

Phía Nam giáp Quảng Bình;

Phía Tây giáp hai tỉnh Borikhamxay và Khammuane của nước CHDCND Lào;

Phía Đông giáp Biển Đông với bờ biển dài 137km.





Bản đồ hành chính tỉnh Hà Tĩnh (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 5.990,7 km².

Dân số trung bình: 1.290.300 người

Mật độ: 215 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Hà Tĩnh có 13 ĐVHC cấp huyện gồm: thành phố Hà Tĩnh, 02 thị xã (Hong Lĩnh, Kỳ Anh), 10 huyện (Hương Sơn, Đức Thọ, Nghi Xuân, Can Lộc, Hương Khê, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Vũ Quang, Lộc Hà) và 216 ĐVHC cấp xã, gồm 182 xã, 21 phường và 13 thị trấn.

QUẢNG BÌNH

VỊ TRÍ

Toạ độ địa lý: vĩ độ 18°05'12" đến 17°05'02" vĩ độ Bắc ; kinh độ 106°59'37" đến 105°36'55" kinh Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh.

Phái Nam giáp Quảng Trị

Phía Tây giáp nước CHDCND Lào với đường biên giới 201,87 km.

Phía Đông giáp Biển Đông với bờ biển dài 116,04 km.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 8.000 km².

Dân số trung bình: 896.600 người

Mật độ: 112 người/km²

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG BÌNH



Bản đồ hành chính tỉnh Quảng Bình (Ảnh: Quecui)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Quảng Bình gồm 08 ĐVHC cấp huyện gồm: thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, 06 huyện (Bố Trạch, Lệ Thủy, Minh Hóa, Quảng Ninh, Quảng Trạch, Tuyên Hóa) và 151 ĐVHC cấp xã (128 xã, 15 phường và 08 thị trấn).



QUẢNG TRỊ

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG TRỊ



VỊ TRÍ

Tọa độ đại lý: 16°18' đến 17°10' vĩ độ Bắc và 106°32' đến 107°34' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình.
 Phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế.
 Phía Tây giáp nước CHDCND Lào.
 Phía Đông giáp biển Đông.

Bản đồ hành chính tỉnh Quảng Trị (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 4.621,7 km².

Dân số trung bình: 633.400 người

Mật độ: 137 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Toàn tỉnh có 08 ĐVHC, gồm: Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và 08 huyện (Cam Lộ, Hải Lăng, Triệu Phong, Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cồn Cỏ, Đakrông) và 125 ĐVHC cấp xã (101 xã, 13 phường và 11 thị trấn).

THỪA THIÊN HUẾ



VỊ TRÍ

Thừa Thiên Huế có tọa độ địa lý như sau: Vĩ độ 16°44'30" đến 15°59'30" vĩ Bắc; kinh độ 107°00'56" đến 108°12'57" kinh Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Trị.

Phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Phía Tây giáp nước CHDCND Lào với đường biên giới dài 87,97km.

Phía Đông tiếp giáp với biển Đông theo đường bờ biển dài 120km.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 4.902,4 km².

Dân số trung bình: 1.129.500 người

Mật độ: 230 người/km²



THỪA THIÊN HUẾ



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Tỉnh Thừa Thiên Huế hiện có 9 ĐVHC trực thuộc gồm: thành phố Huế, 02 thị xã (Hương Thủy và Hương Trà) và 06 huyện (Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, A Lưới, Nam Đông). Trong đó có 145 ĐVHC cấp xã (98 xã, 39 phường và 08 thị trấn)

TP. ĐÀ NẴNG

VỊ TRÍ

Đà Nẵng nằm ở 15°55'20" đến 16°14'10" vĩ tuyến Bắc, 107°18'30" đến 108°20'00" kinh tuyến Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam.

Phía Đông giáp biển Đông.

Vị trí địa chiến lược:

- Nằm ở trung độ cả nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không.
- Đà Nẵng là đầu mối giao thông nối với vùng Châu Á - Thái Bình Dương và thế giới, một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua Hành lang kinh tế Đông Tây với điểm kết thúc là Cảng biển Tiên Sa.
- Cách các trung tâm kinh doanh - thương mại quan trọng của các nước trong khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương trong phạm vi bán kính 2.000 km.



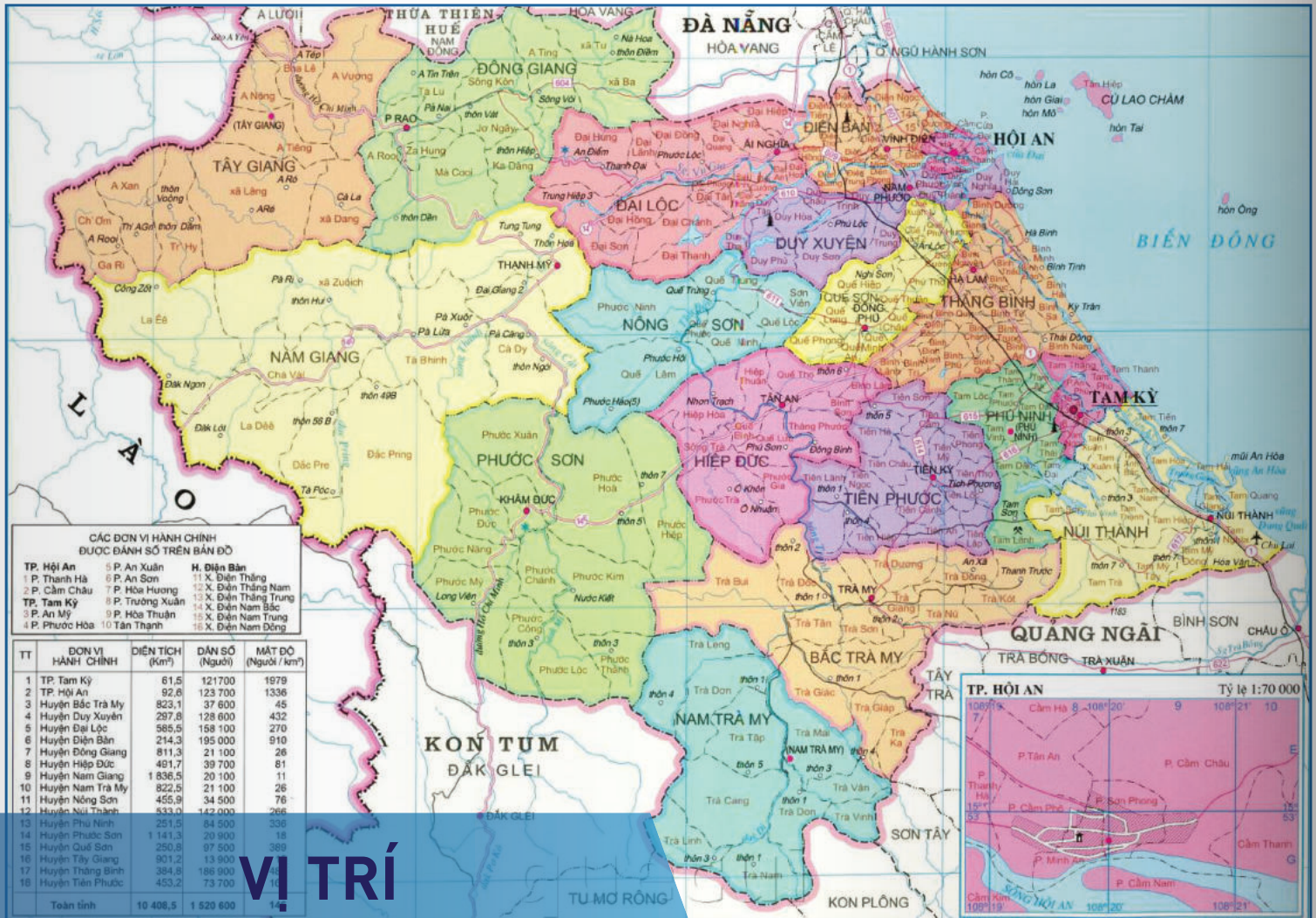
Mật độ: 888 người/km³



Thành phố Đà Nẵng có 07 ĐVHC cấp huyện gồm: 06 quận (Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn và Cẩm Lệ) và huyện Hòa Vang. Trong đó có 56 ĐVHC cấp xã (11 xã và 45 phường).



QUẢNG NAM



Quảng Nam có tọa độ địa lý từ 108°26'16" đến 108°44'04" độ kinh Đông, và từ 15°23'38" đến 15°38'43" độ vĩ Bắc.

Phía bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế.
Phía nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum.
Phía đông giáp biển Đông.
Phía tây giáp tỉnh Sê Kông của nước CHDCND Lào.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 10.574,7 km².
Dân số trung bình: 1.497.500 người
Mật độ: 142 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Quảng Nam gồm 18 ĐVHC cấp huyện gồm: 2 thành phố (Tam Kỳ, Hội An), 01 thị xã (Điện Bàn) và 15 huyện (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Thăng Bình, Quế Sơn, Núi Thành và Phú Ninh) và 241 ĐVHC cấp xã (203 xã, 25 phường và 13 thị trấn).

QUẢNG NGÃI

VỊ TRÍ

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Tọa độ địa lý từ 14°32' đến 15°25' vĩ tuyến Bắc và từ 108°06' tới 109°04' kinh tuyến Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam với đường ranh giới chung khoảng 60km.
Phía Tây giáp các tỉnh Gia Lai, Kon Tum trên chiều dài 142km dựa lưng vào dãy Trường Sơn.

Phía Nam giáp tỉnh Bình Định với chiều dài 70km.

Phía Đông giáp biển với chiều dài khoảng 130 km với 5 cảng biển; trong đó cảng biển Dung Quất mang tầm vóc của một cảng quốc tế có khả năng tiếp nhận tàu lên đến 100.000 DWT, tàu hàng 30.000 – 50.000 DWT.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 5.155,8 km².

Dân số trung bình: 1.231.900 người

Mật độ: 239 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Kể từ ngày 1/2/2020, tỉnh Quảng Ngãi có 12 ĐVHC cấp huyện, gồm: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và 10 huyện (Bình Sơn, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Sơn Tây, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Mộ Đức, Ba Tơ); trong đó có 173 ĐVHC cấp xã, gồm 148 xã, 17 phường và 8 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



BÌNH ĐỊNH

VỊ TRÍ

Tỉnh Bình Định có tọa độ 14°42'10 Bắc và 108°55'4 Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi.

Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên.

Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai.

Phía Đông giáp Biển Đông với bờ biển dài 134 km.

Là một trong những cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên và vùng Nam Lào.



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 6.066,2 km².

Dân số trung bình: 1.487.800 người

Mật độ: 245 người/km²

Bản đồ hành chính tỉnh Bình Định (Ảnh: Quecui)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Kể từ ngày 01/06/2020, tỉnh Bình Định có 11 ĐVHC cấp huyện, gồm: thành phố Quy Nhơn, 02 thị xã (An Nhơn và Hoài Nhơn) và 08 huyện (An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước, Vân Canh); trong đó có 159 ĐVHC cấp xã, gồm 117 xã, 32 phường và 10 thị trấn.

PHÚ YÊN

Giành Đá Đĩa (Ảnh: Internet)



VỊ TRÍ

Phú Yên là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, nằm ở phía Đông dãy Trường Sơn, có tọa độ địa lý: Vĩ độ 13°41'28" đến 12°42'36" vĩ độ Bắc; kinh độ 108°40'40" đến 109°27'47" kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bình Định.

Phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa.

Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk.

Phía Đông giáp biển Đông.

Bản đồ hành chính tỉnh Phú Yên (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 5.023,4 km².

Dân số trung bình: 873.200 người

Mật độ: 174 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Kể từ ngày 01/06/2020, tỉnh Phú Yên có 09 ĐVHC cấp huyện, gồm: thành phố Tuy Hòa, 02 thị xã (Sông Cầu, Đông Hòa), 06 huyện (Đồng Xuân, Sông Hinh, Sơn Hòa, Phú Hòa, Tây Hòa, Tuy An); 110 ĐVHC cấp xã (gồm 83 xã, 21 phường và 06 thị trấn).

KHÁNH HÒA

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA



VỊ TRÍ

Khánh Hòa là tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có tọa độ địa lý: 12°52'15" đến 11°42' 50" vĩ độ Bắc; kinh độ 108°40'33" đến 109°27'55" kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên.

Phía Tây Nam giáp tỉnh Lâm Đồng.

Phía Tây Bắc giáp tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk.

Phía Nam giáp tỉnh Ninh Thuận.

Phía Đông giáp biển Đông.

Bản đồ hành chính tỉnh Khánh Hòa (Ảnh: Quecui)

Ngoài phần lãnh thổ trên đất liền, tỉnh Khánh Hòa còn có vùng biển, vùng thềm lục địa, các đảo ven bờ và huyện đảo Trường Sa.



Cảnh biển Nha Trang (Ảnh: YouWall.vn)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 5.137,8 km².

Dân số trung bình: 1.232.800 người

Mật độ: 240 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Toàn tỉnh Khánh Hòa có 09 ĐVHC cấp huyện, gồm: 2 Thành phố (Nha Trang và Cam Ranh), thị xã Ninh Hòa và 06 huyện (Khánh Sơn, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Trường Sa, Cam Lâm, Vạn Ninh) và 139 ĐVHC cấp xã (98 xã, 35 phường và 06 thị trấn).

NINH THUẬN

VỊ TRÍ

Ninh Thuận thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, tọa độ địa lý từ 11°18'14" đến 12°09'15" vĩ độ Bắc, 108°09'08" đến 109°14'25" kinh độ Đông.



Bản đồ hành chính tỉnh Ninh Thuận (Ảnh: Quecui)

Phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa.
Phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận.
Phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng.
Phía Đông giáp biển Đông.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 3.355,3 km².

Dân số trung bình: 591.000 người.

Mật độ: 176 người/km².



Đồng Cừu An Hòa (Ảnh: Hasecotravel.vn)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Ninh Thuận gồm 7 ĐVHC, gồm: thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và 06 huyện (Bác Ái, Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Thuận Nam) và 65 ĐVHC cấp xã, gồm: 15 phường, 3 thị trấn và 47 xã.



Mũi Dinh (Ảnh: Hasecotravel.vn)

BÌNH THUẬN

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH THUẬN



Bản đồ hành chính tỉnh Bình Thuận (Ảnh: Quecui)

VỊ TRÍ

Bình Thuận có tọa độ địa lý từ 10°33'42" đến 11°33'18" vĩ độ Bắc, từ 107°23'41" đến 108°52'18" kinh độ Đông.

Phía Bắc của tỉnh Bình Thuận giáp với tỉnh Lâm Đồng;

Phía Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận;

Phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai;

Phía Tây Nam giáp Bà Rịa-Vũng Tàu;

Phía Đông và Nam giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 192 km.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 7.943,9 km².

Dân số trung bình: 1.232.300 người

Mật độ: 155 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Bình Thuận có 10 ĐVHC cấp huyện, gồm: thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi và 08 huyện (Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Tân, Phú Quý). Trong đó có với 124 ĐVHC cấp xã, gồm có 12 thị trấn, 19 phường và 93 xã.

VÙNG TÂY NGUYÊN

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích: 54.508,3 km².

Dân số trung bình: 5.861.300 người

Mật độ: 108 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Vùng Tây Nguyên gồm 05 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng). Trong đó:

62 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 53 huyện, 03 thị xã và 06 thành phố.

719 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 590 xã, 78 phường và 51 thị trấn.

VỊ TRÍ

Tây Nguyên là vùng cao nguyên thuộc Trung Bộ Việt Nam.

Phía Bắc và Đông giáp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Phía Tây giáp tỉnh Attapeu (Lào) và Ratanakiri và Mondulkiri (Campuchia).

Phía Nam giáp vùng Đông Nam Bộ.



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH KON TUM



KON TUM

KON TUM

VỊ TRÍ

Toạ độ địa lý:

Từ 107°20'15" đến 108°32'30" kinh độ đông

Từ 13°55'10" đến 15°27'15" vĩ độ bắc.

Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam;

Phía Nam giáp tỉnh Gia Lai;

Phía Đông giáp Quảng Ngãi;

Phía Tây giáp hai nước Lào và Campuchia

(có chung đường biên giới dài 280,7 km).

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 9.674,2 km².

Dân số trung bình: 543.400 người

Mật độ dân số: 56 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 15, gồm: Thành phố Buôn Ma Thuột, Thị xã Buôn Hồ và 13 huyện (Ea H'leo, Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'gar Krông Busk, Krông Năng, Ea Kar, M'Drăk, Krông Bông, Krông Pắc, Krông A Na, Lawsk, Cư Kuin).

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 184, gồm 152 xã, 20 phường và 12 thị trấn.

VỊ TRÍ

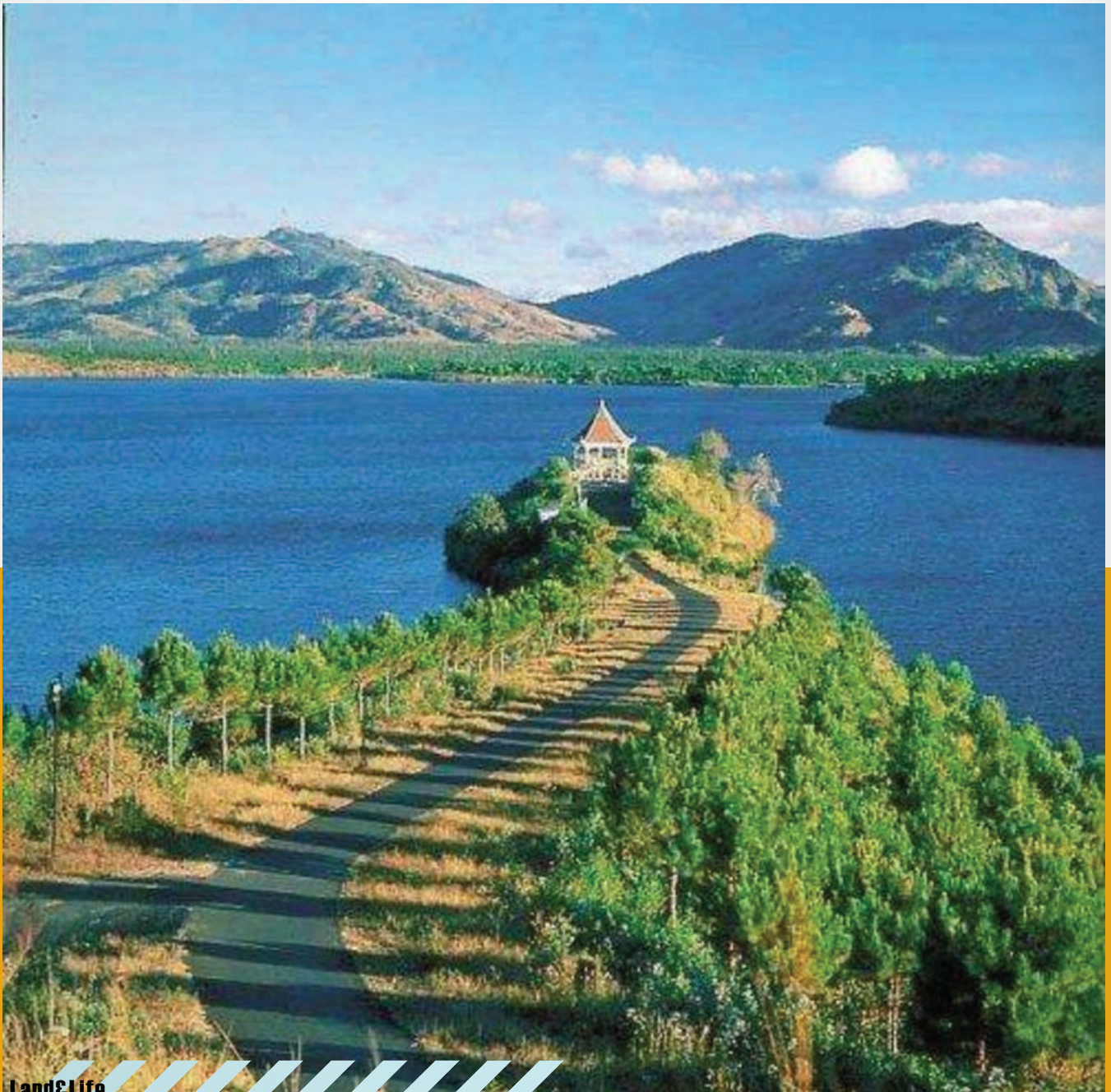
Gia Lai là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở phía Bắc vùng Tây Nguyên, có toạ độ địa lý từ 15°58'20" đến 14°36'36" vĩ Bắc, từ 107°27'23" đến 108°94'40" kinh Đông.

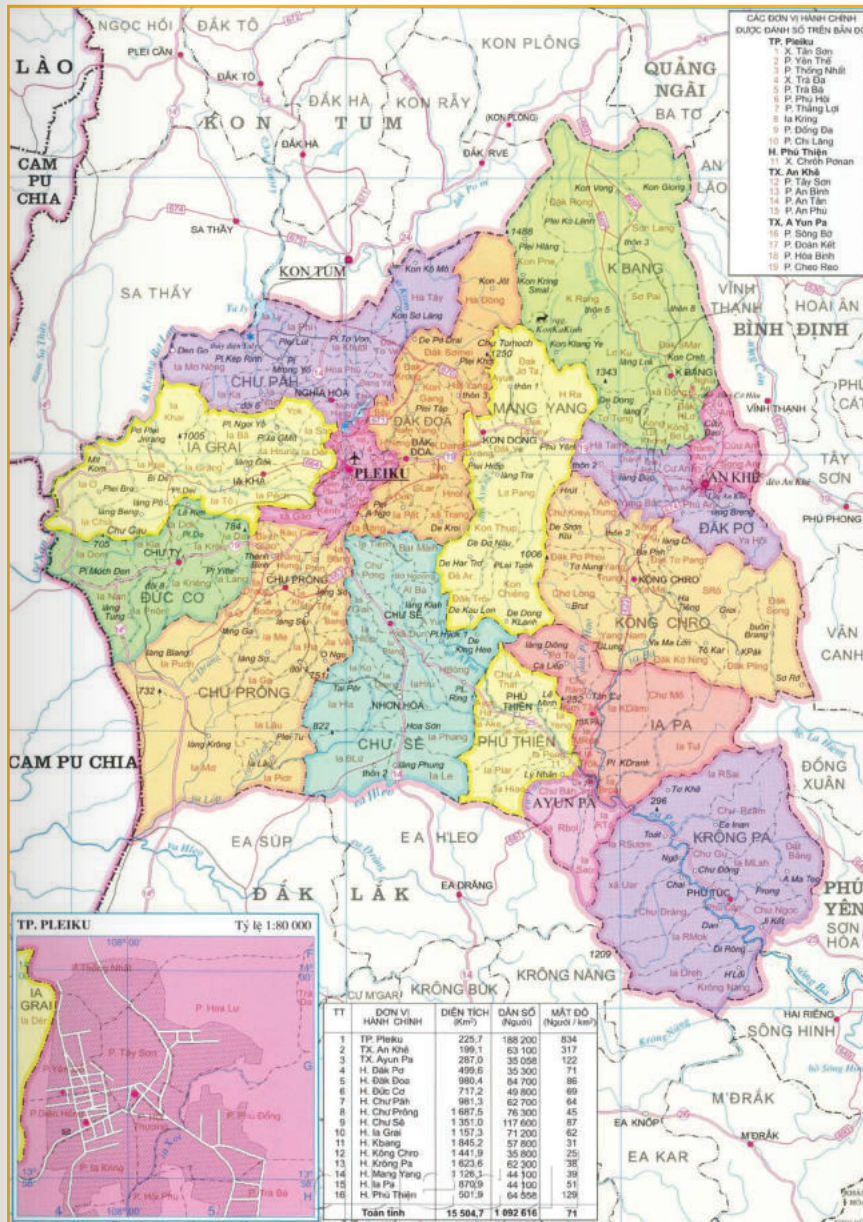
Phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên;

phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum;

Phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk;

Phía Tây giáp nước Campuchia với 90km là đường biên giới quốc gia.





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích: 15.511 km².

Dân số trung bình: 1.520.200 người

Mật độ dân số: 98 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 17, gồm thành phố Pleiku, 2 thị xã (An Khê và Ayun Pa) và 14 huyện (Kbang, Đăk Đoa, Chư Pawh, Ia Grai, Mang Yang, Krong Chro, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, Đăk Pơ, Ia Pa, Krong Pa, Phú Thiện, Chư Păh).

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 220, gồm 182 xã, 24 phường và 14 thị trấn.

ĐẮK LẮK

VỊ TRÍ

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, trong khoảng tọa độ địa lý từ 107°28'57" đến 108°59'37" độ kinh Đông và từ 12°09'45" đến 13°25'06" độ vĩ Bắc.



- Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai
- Phía Đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa
- Phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông
- Phía Tây giáp Campuchia.



Bản đồ hành chính tỉnh Đắk Lắk (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 13.030,5 km².

Dân số trung bình: 1.872.600 người

Mật độ: 144 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 15, gồm thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện (Ea H'leo, Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Búk, Krông Năng, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Bông, Krông Pắc, Krông A Na, Lắk, Cư Kuin).

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 184, gồm 152 xã, 20 phường và 12 thị trấn.

ĐẮK NÔNG



VỊ TRÍ

Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam của vùng Tây Nguyên, đoạn cuối dãy Trường Sơn; được xác định trong khoảng tọa độ địa lý:

11°45' đến 12°50' vĩ độ Bắc,
107°13' đến 108°10' kinh độ Đông.

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk.
- Phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Bình Phước.
- Phía Tây giáp Campuchia.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 6.509,3 km².

Dân số trung bình: 625.800 người

Mật độ: 96 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 8, gồm thành phố Gia Nghĩa, 7 huyện (Đắk Glong, Cư Jú, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Tuy Đức).

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 71, gồm 60 xã, 06 phường và 05 thị trấn.

LÂM ĐỒNG



VỊ TRÍ

Lâm Đồng thuộc Nam Tây Nguyên,
có tọa độ địa lý từ 11°12' - 12°15' vĩ độ
bắc và 107°45' kinh độ đông.

- Phía Đông giáp các tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận;
- Phía Tây Nam giáp tỉnh Đồng Nai;
- Phía nam - Đông Nam giáp tỉnh Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 12, gồm:

2 thành phố (Đà Lạt và Bảo Lộc);

10 huyện (Đam Rông, Lạc Dương, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm, Đà Huoai, Đà Terh, Cát Tiên).

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 9.783,3 km².

Dân số trung bình: 1.299.300 người

Mật độ: 133 người/km²

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 142, gồm 111 xã, 18 phường và 13 thị trấn.



VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

VỊ TRÍ

Đông Nam Bộ là một trong 2 vùng thuộc Nam Bộ Việt Nam, vùng chuyển tiếp giữa Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long.

Phía Bắc và Đông Bắc giáp Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ.

Phía Nam giáp Đồng bằng sông Cửu Long.

Phía Tây và Tây Bắc giáp Campuchia.

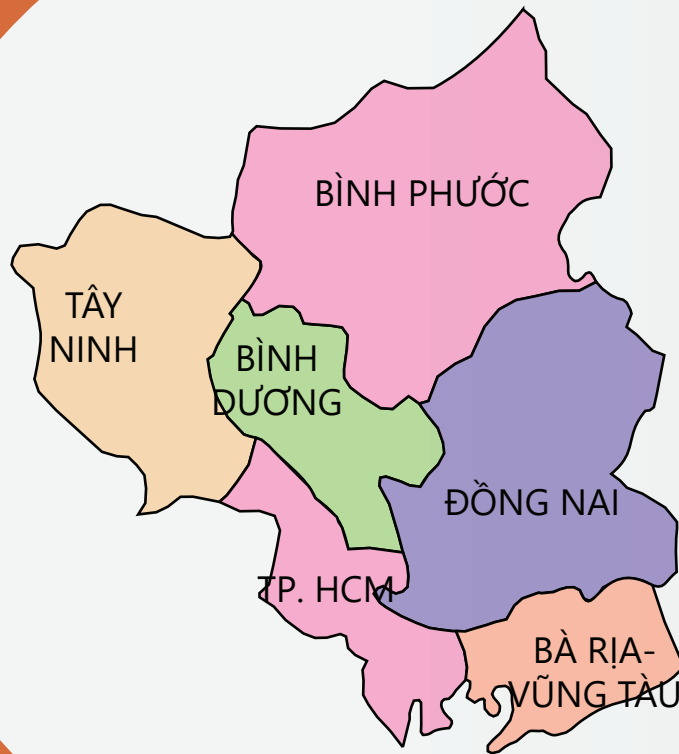
Phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích: 23.552,8 km².

Dân số trung bình: 17.930.300 người

Mật độ: 761 người/km².



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Vùng Đông nam bộ gồm 06 tỉnh (TP. Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu). Trong đó gồm:

- 72 đơn vị hành chính cấp huyện (37 huyện, 19 quận, 07 thị xã và 09 thành phố).
- 870 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 430 xã, 405 phường và 35 thị trấn.

BÀ RỊA - VŨNG TÀU

VỊ TRÍ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng Đông Nam Bộ, tọa độ địa lý từ khoảng 10°24'37"B đến 10,410157°B vĩ độ Bắc và từ 107°08'12"Đ đến 107,136555°Đ kinh độ Đông



- Phía Đông giáp với tỉnh Bình Thuận;
- Phía Tây giáp với Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phía Nam giáp với Biển Đông;
- Phía Bắc giáp với tỉnh Đồng Nai



Bản đồ hành chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 1.981 km².

Dân số trung bình: 1.152.200 người

Mật độ: 582 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

ĐVHC cấp huyện, thị xã, thành phố: 07, gồm 2 thành phố (Vũng Tàu và Bà Rịa), 05 huyện (Châu Đức, Xuyên Mộc, Long Điền, Đất Đỏ, Phú Mỹ).

ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn: 82, gồm 47 xã, 29 phường và 06 thị trấn.

BÌNH DƯƠNG

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG



VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý từ 10°52'00" đến 11°30' 00" vĩ độ Bắc và từ 106°20' 00" đến 106°57'00" kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước;
Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai;
Phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh;
Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh.

Bản đồ hành chính tỉnh Bình Dương (Ảnh: Quecui)



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 2.694,6 km².

Dân số trung bình: 2.456.300 người

Mật độ dân số: 912 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Bình Dương gồm:

- 09 ĐVHC cấp huyện, gồm 03 thành phố (Thủ Dầu Một, Dĩ An và Thuận An), 02 thị xã (Tân Uyên và Bến Cát), 04 huyện (Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phú Giáo và Bắc Tân Uyên).
- 91 ĐVHC cấp xã, gồm 42 xã, 45 hương và 04 thị trấn.

BÌNH PHƯỚC



VỊ TRÍ

Bình Phước là một tỉnh miền núi ở phía Tây của vùng Đông Nam Bộ. Tọa độ địa lý: Từ 11°22' - 12°16' vĩ độ Bắc và từ 102°8' - 107°8' kinh độ Đông.

Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai;

Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia;

Phía Nam giáp tỉnh Bình Dương;

Phía Bắc tỉnh Đắk Nông.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 6.876,8 km².

Dân số trung bình: 997.800 người

Mật độ dân số: 145 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Tỉnh Bình Phước gồm:

- 11 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Đồng Xoài, 02 thị xã (Phước Long và Bình Long), 08 huyện (Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Đồng Phú, Bù Đăng, Chơn Thành, Phú Riềng).
- 111 ĐVHC cấp xã, gồm 90 xã, 15 phường và 06 thị trấn.



ĐỒNG NAI

VỊ TRÍ

Tỉnh Đồng Nai nằm ở cực bắc miền Đông Nam Bộ, có toạ độ địa lý từ 10°30'03" đến 11°34'57" vĩ độ Bắc và từ 106°45'30" đến 107°35'00" kinh độ Đông.

Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận;

Phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh;

Phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước;

Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích: 5.863,6 km².

Dân số trung bình: 3.113.700 người.

Mật độ dân số: 531 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Đồng Nai gồm:

- 11 ĐVHC cấp huyện, gồm 02 thành phố (Biên Hòa và Long Khánh), 09 huyện (Tân Phú, Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành, Xuân Lộc và Nhơn Trạch).

- 170 ĐVHC cấp xã, gồm 122 xã, 40 hương và 08 thị trấn.

TP. HỒ CHÍ MINH



VỊ TRÍ

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất Việt Nam, một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước, nằm trong tọa độ địa lý khoảng 10°10' – 10°38' vĩ độ bắc và 106°22' – 106°54' kinh độ đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương;
Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh;
Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai;
Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 2.061,4 km².
Dân số trung bình: 9.038.600 người
Mật độ: 4.385 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

TP. HCM gồm:

24 ĐVHC cấp huyện, gồm 19 quận (Bình Tân, Phú Nhuận, Tân Phú, Tân Bình, Bình Thạnh, Gò Vấp, Thủ Đức, Quận 1 đến Quận 12), 05 huyện (Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ).

322 ĐVHC cấp xã, gồm 58 xã, 259 phường và 05 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



TÂY NINH

VỊ TRÍ

Tây Ninh là tỉnh nằm ở miền Đông Nam bộ, tọa độ từ 10°57'08" đến 11°46'36" vĩ độ Bắc và từ 105°48'43" đến 106°22'48" kinh độ Đông.

Phía Đông giáp các tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

Phía Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An.

Phía Tây và phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 240km, với 02 cửa khẩu quốc tế là Mộc Bài và Xa Mát cùng 4 cửa khẩu chính, 10 cửa khẩu phụ.





Bản đồ hành chính tỉnh Tây Ninh (Ảnh: Quecui)

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 4.041,3 km².

Dân số trung bình: 1.171,7 người

Mật độ: 290 người/km²

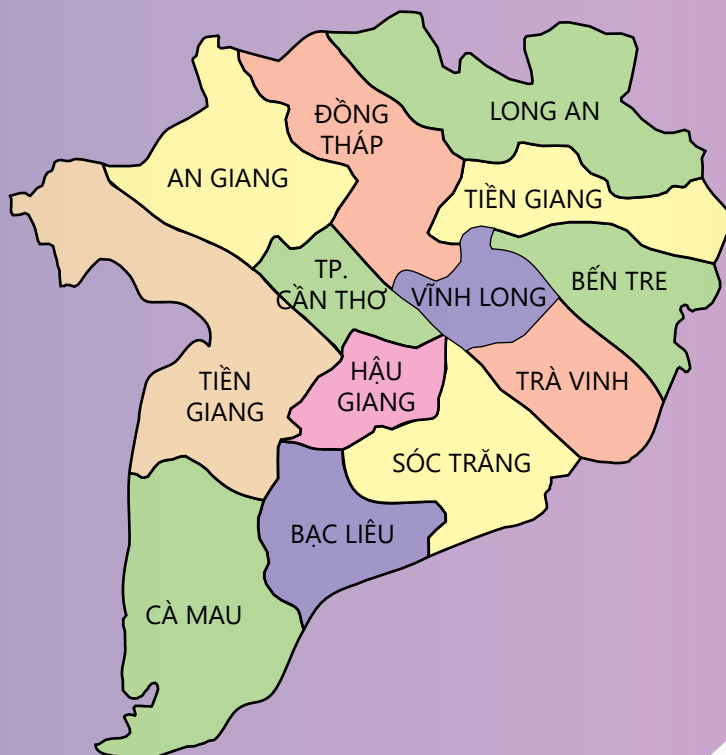
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Tỉnh Tây Ninh gồm:

09 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Tây Ninh, 02 thị xã (Hòa Thành và Trảng Bàng) và 06 huyện (Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành, Gò Dầu và Bến Cầu).

94 ĐVHC cấp xã, gồm 71 xã, 17 phường và 06 thị trấn).

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



VỊ TRÍ

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng châu thổ hạ lưu sông Mê Kông, cực Nam của Việt Nam và thuộc Nam Bộ Việt Nam.

Nằm ở vị trí liền kề phía Tây của vùng Đông Nam Bộ.

Phía Bắc giáp Campuchia.

Phía Tây Nam giáp vịnh Thái Lan.

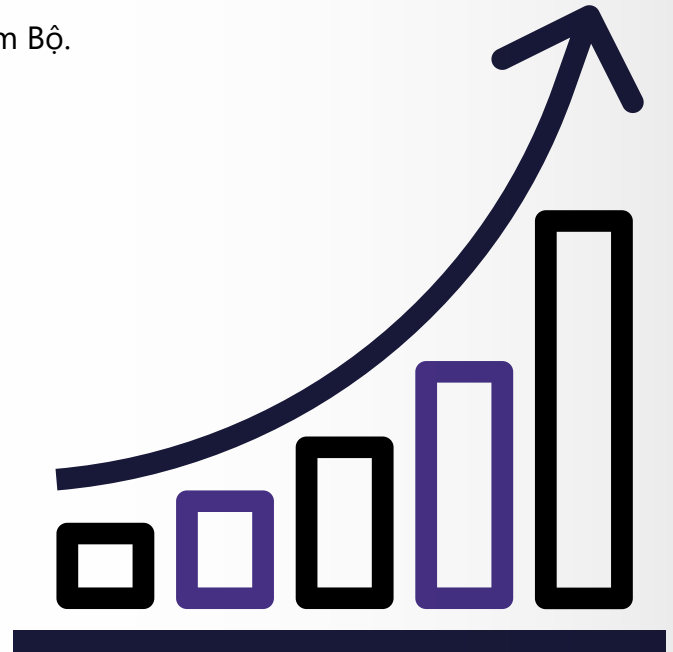
Phía Đông Nam giáp Biển Đông

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích: 40.816,4 km².

Dân số trung bình: 17.282.500 người

Mật độ: 423 người/km².

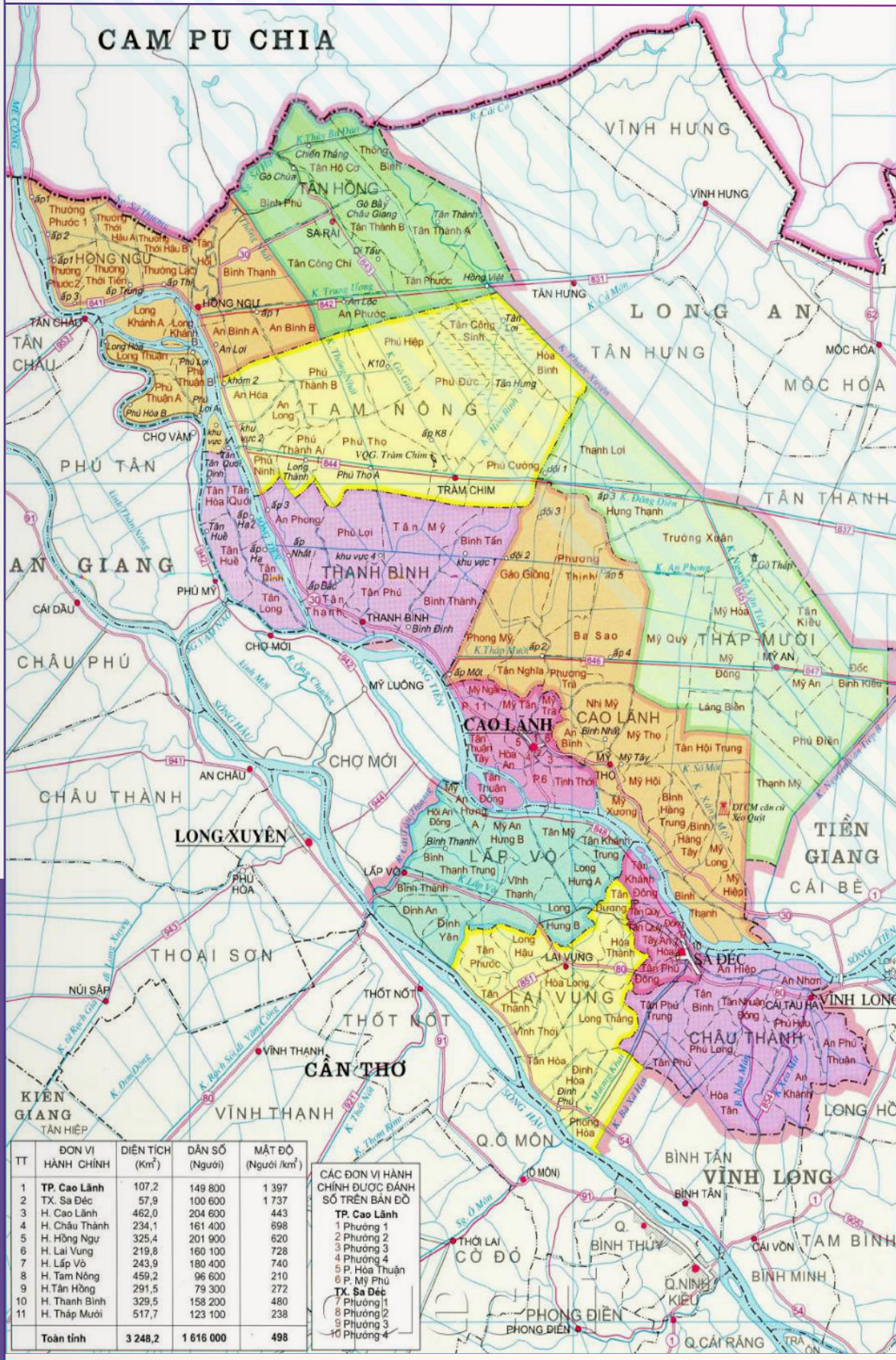


ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm 13 tỉnh (TP. Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh. Trong đó gồm:

- 134 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 102 huyện, 05 quận, 11 thị xã và 16 thành phố.
- 1.606 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 1.269 xã, 213 phường và 124 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG THÁP



ĐỒNG THÁP

VỊ TRÍ

Đồng Tháp là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, nằm ở tọa độ 10007'-10058' vĩ độ Bắc và 105012'-105056' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Prây Veng (Campuchia) trên chiều dài biên giới 48,7 km với 4 cửa khẩu: Thông Bình, Dinh Bà, Mỹ Cân và Thường Phước;
Phía Nam giáp Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ;
Phía Tây giáp An Giang;
Phía Đông giáp Long An và Tiền Giang.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 3.383,8 km².

Dân số trung bình: 1.598.800 người

Mật độ: 472 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Đồng Tháp gồm:

12 ĐVHC cấp huyện, gồm 02 thành phố (Cao Lãnh và Sa Đéc), thị xã Hồng Ngự và 09 huyện (Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh, Thanh Bình, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành).

143 ĐVHC cấp xã, gồm 117 xã, 17 phường và 09 thị trấn.

VĨNH LONG

Tọa độ địa lý tỉnh Vĩnh Long 9°52'45" đến 10°19'50" vĩ độ Bắc và từ 104°41'25" đến 106°17'03" kinh độ Đông.

VỊ TRÍ

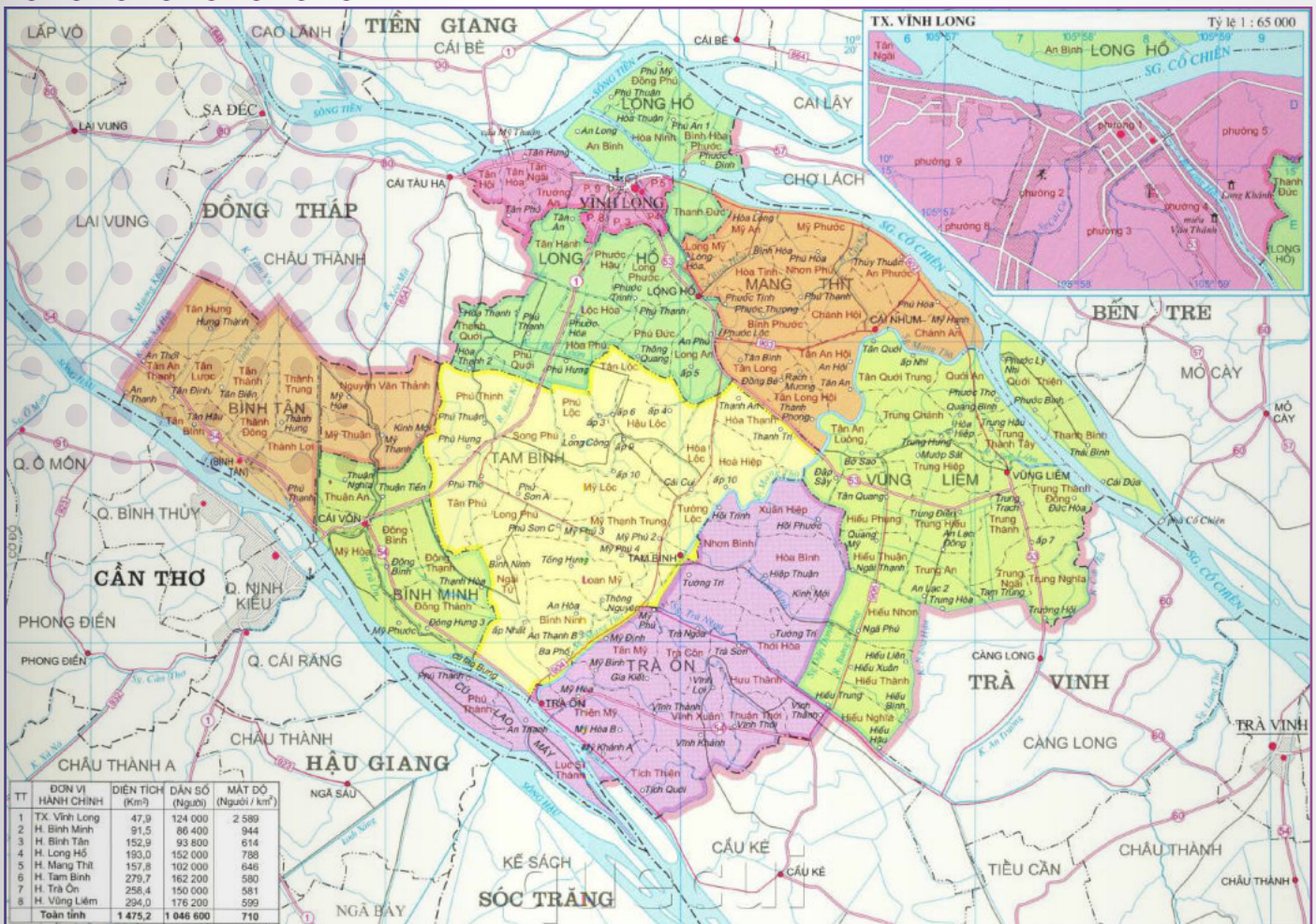
Phía Bắc và Đông Bắc giáp các tỉnh Tiền Giang và Bến Tre;

Phía Tây Bắc Đông giáp tỉnh Đồng Tháp;

Phía Đông Nam giáp với tỉnh Trà Vinh;

Phía Tây Nam giáp các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Thành phố Cần Thơ.





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 1.525,7 km².

Dân số trung bình: 1.022.600 người

Mật độ: 670 người/km²

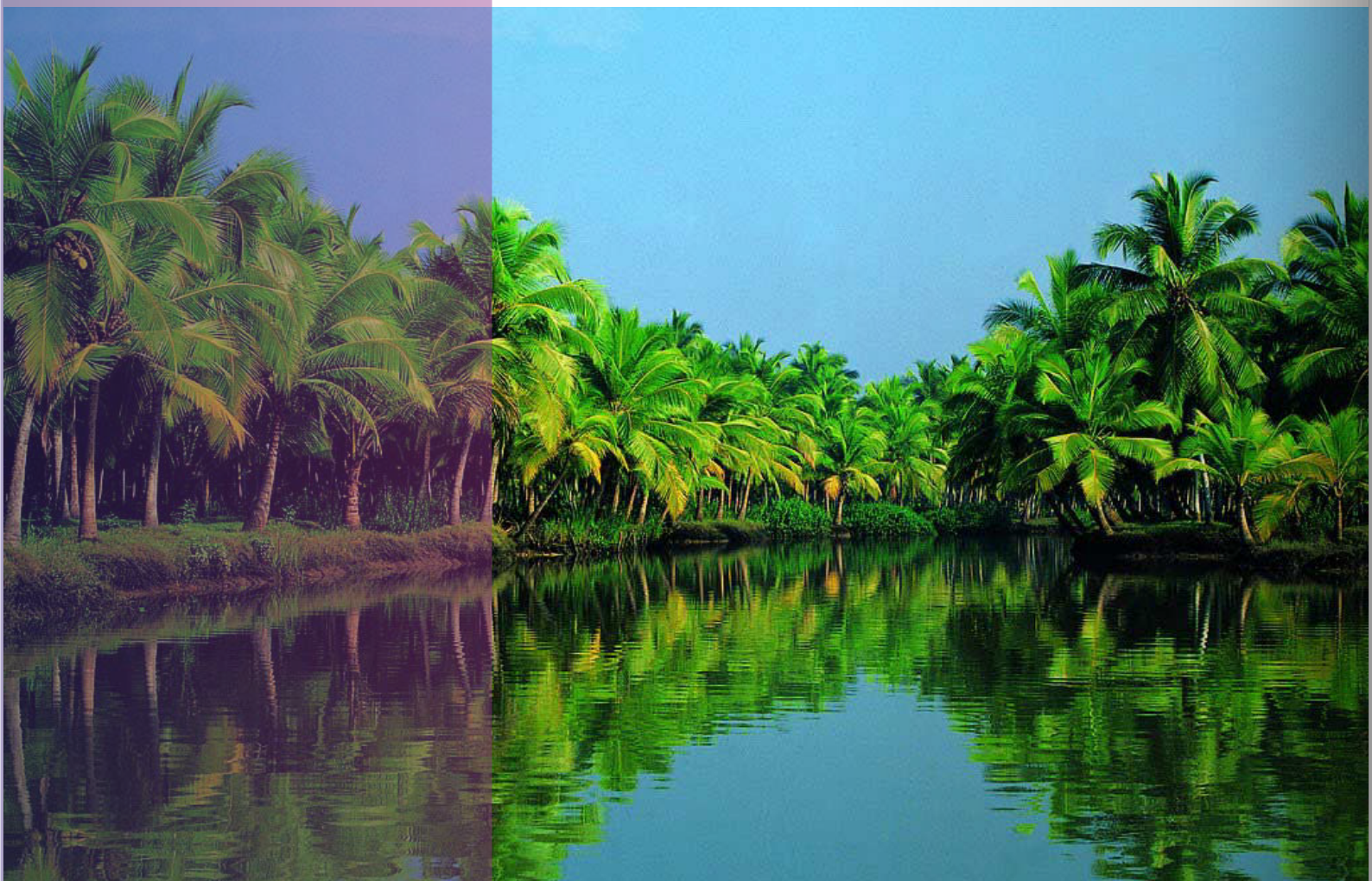
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Vĩnh Long gồm:

- 08 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh và 06 huyện (Long Hồ, Thang Mít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân).

- 107 ĐVHC cấp xã, gồm 87 xã, 14 phường và 06 thị trấn.

BẾN TRE



VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý tỉnh Bến Tre: 9°48' đến 10°20' vĩ độ Bắc và từ 105°57' đến 106°48' kinh độ Đông.

Phía Đông tiếp giáp với biển Đông, có bờ biển dài 65 km;

Phía Bắc giáp Tiền Giang;

Phía Tây và tây nam giáp Vĩnh Long;

Phía Nam giáp Trà Vinh.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Bến Tre gồm:

09 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Bến Tre và 08 huyện (Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày Nam, Giồng Trôm, Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú, Mỏ Cày Bắc).

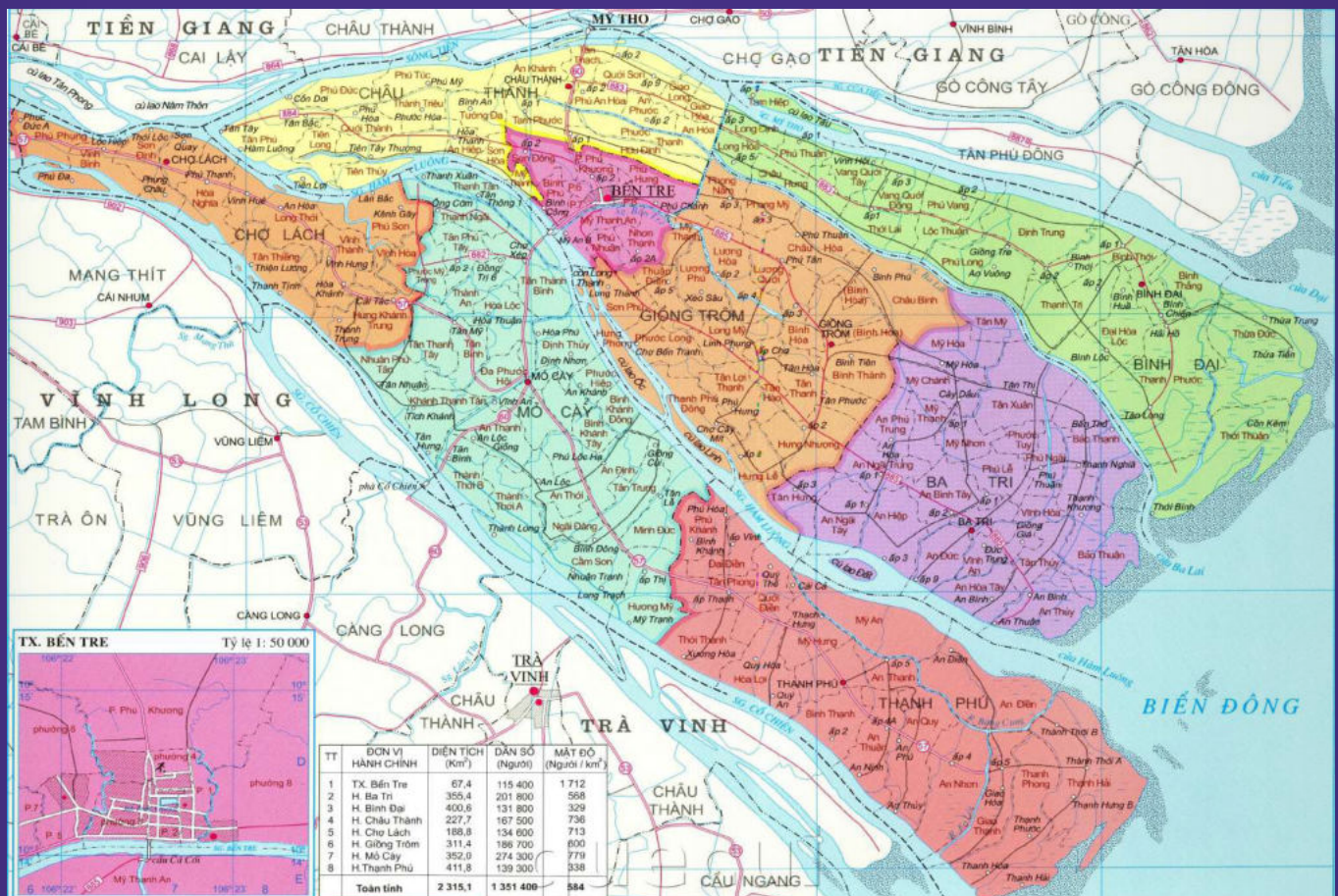
157 ĐVHC cấp xã, gồm 142 xã, 08 phường và 07 thị trấn.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 2.394,8 km².

Dân số trung bình: 1.289.100 người

Mật độ: 538 người/km²



TRÀ VINH

VỊ TRÍ

Vị trí địa lý giới hạn từ: 9°31'46" đến 10°04'5" vĩ độ Bắc và 105°57'16" đến 106°36'04" kinh độ Đông.

- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long;
- Phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH TRÀ VINH





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 2.358,3 km².

Dân số trung bình: 1.009.300 người

Mật độ: 428 người/km²

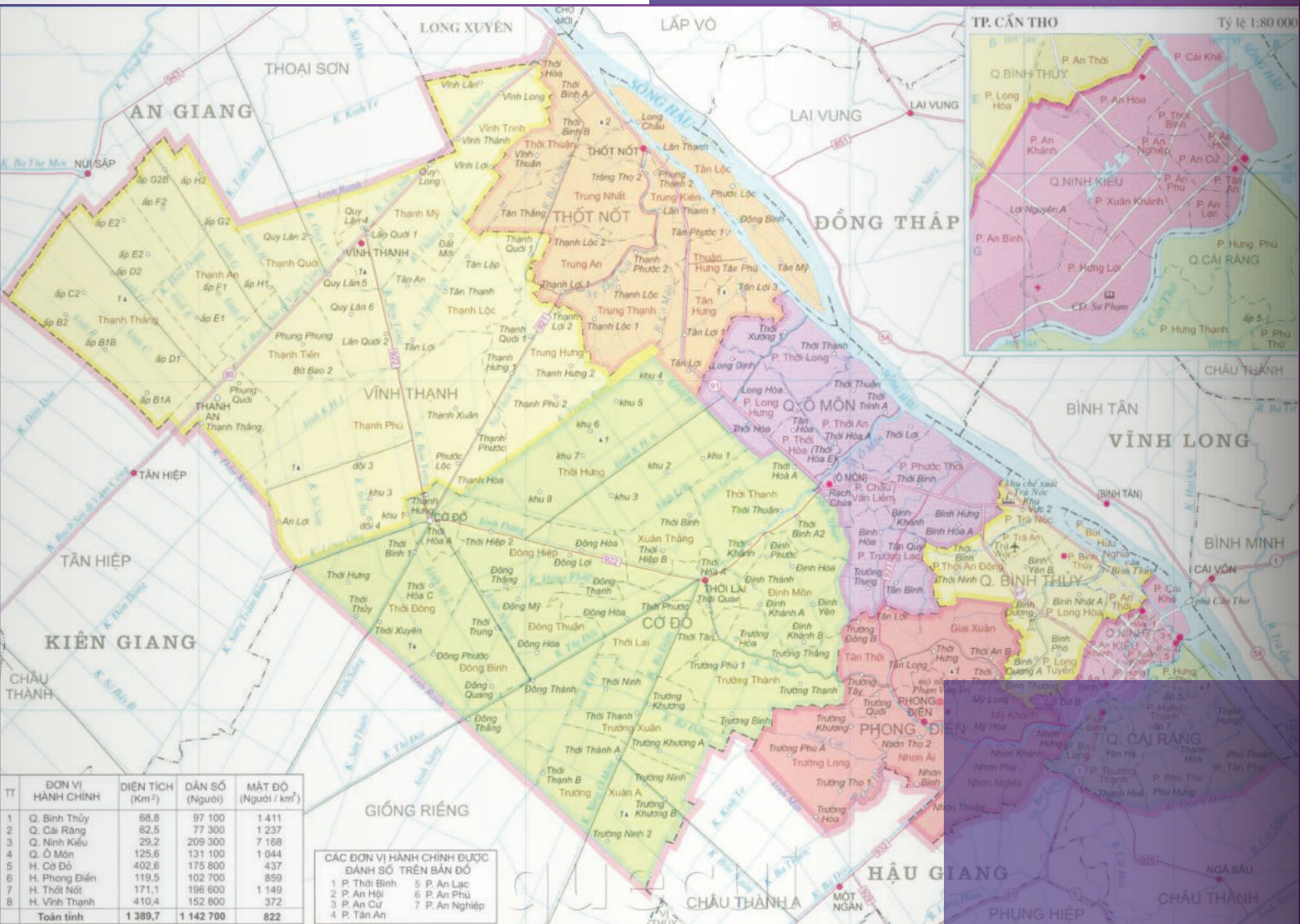
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Tỉnh Trà Vinh gồm:

09 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và 07 huyện (Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải).

157 ĐVHC cấp xã, gồm 142 xã, 08 phường và 07 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ CẦN THƠ



VỊ TRÍ

Thành phố Cần Thơ nằm ở trung tâm vùng hạ lưu châu thổ sông Cửu Long, trong giới hạn tọa độ: 105°13'38" – 105°50'35" kinh độ Đông và từ 9°55'08" – 10°19'38" vĩ độ Bắc.

Phía Bắc giáp tỉnh An Giang;
Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long;
Phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang;
Phía Nam giáp tỉnh Hậu Giang.



DIỆN TÍCH, & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 1.439 km².

Dân số trung bình: 1.236.000 người

Mật độ: 859 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

TP. Cần Thơ gồm:

- 09 ĐVHC cấp huyện, gồm 05 quận (Ninh Kiều, Ô Môn, Bình Thủy, Cái Răng, Thốt Nốt), 04 huyện (Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền, Thới Lai).
- 83 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 42 phường và 05 thị trấn.

AN GIANG

VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý: từ 10°20'07" đến 10°34'23" vĩ độ Bắc
và 104°47'20" đến 105°35'10" kinh độ Đông.

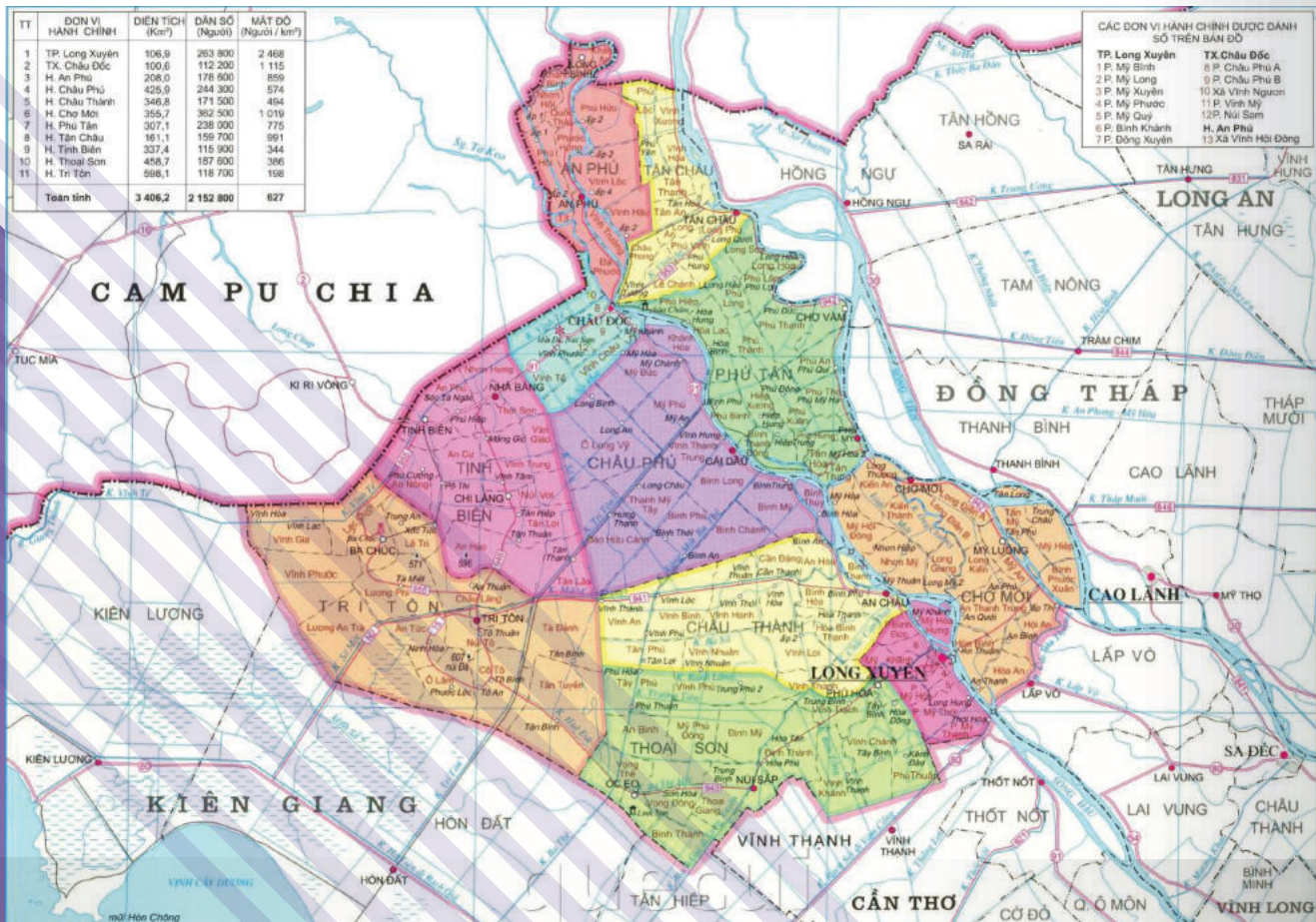
Phía Tây Bắc giáp Vương quốc Campuchia;

Phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang;

Phía Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ;

Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH AN GIANG





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 3.536,7 km².

Dân số trung bình: 1.907.400 người

Mật độ: 539 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh An Giang gồm:

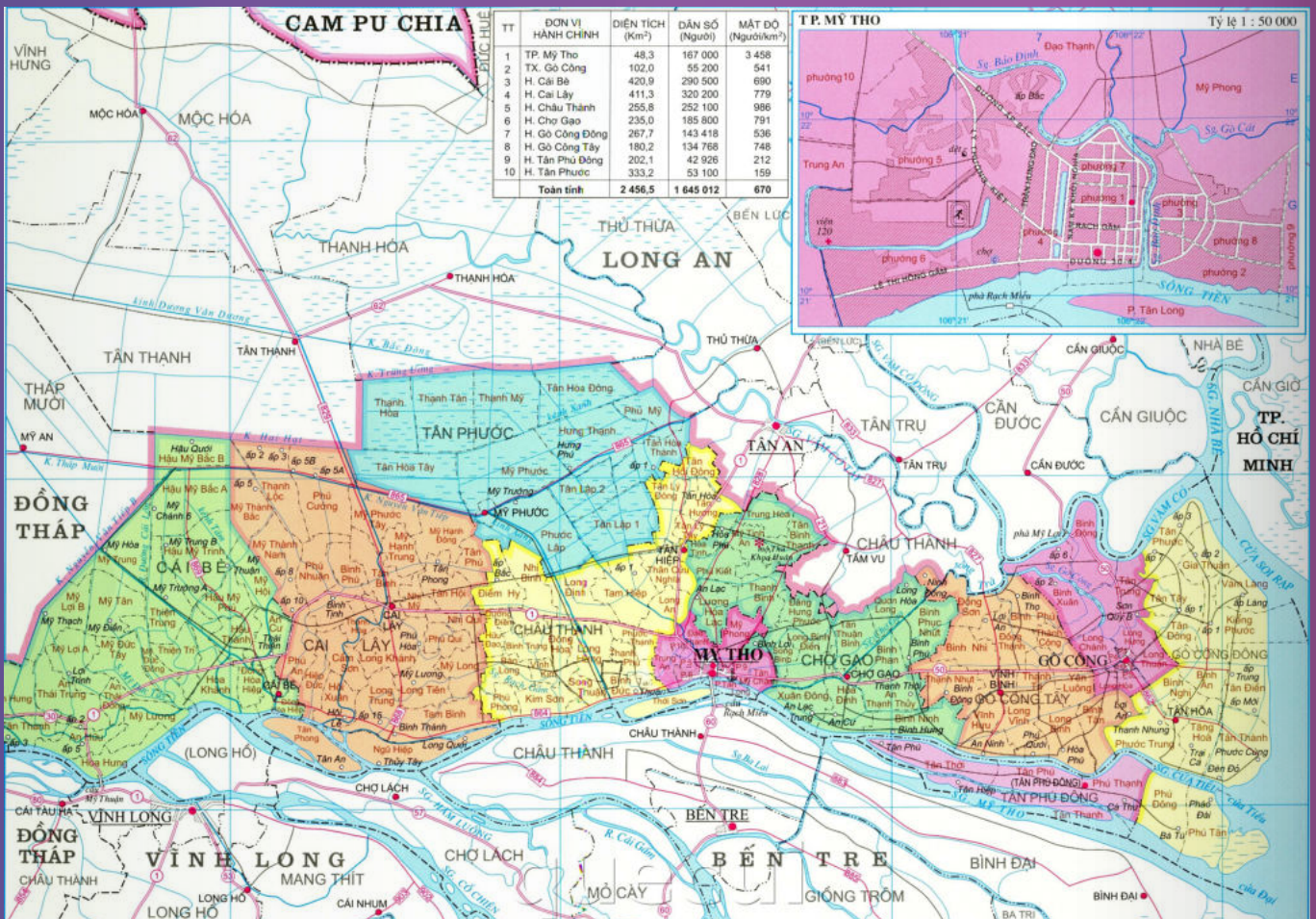
- 11 ĐVHC cấp huyện, gồm 02 thành phố (Long Xuyên, Châu Đốc), thị xã Tân Châu, 08 huyện (An Phú, Phú Tân, Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Thành, Chợ Mới, Thoại Sơn).
- 83 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 42 phường và 05 thị trấn.

TIỀN GIANG

VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý 105°49'07" đến 106°48'06" kinh độ Đông và 10°12'20" đến 10°35'26" vĩ độ Bắc.

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Long An và TP HCM;
- Phía Tây và Tây Nam giáp các tỉnh Đồng Tháp và Vĩnh Long;
- Phía Nam giáp tỉnh Bến Tre;
- Phía Đông giáp biển Đông.





DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 2.510,6 km².

Dân số trung bình: 1.766.300 người

Mật độ: 704 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Tiền Giang gồm:

- 11 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Mỹ Tho, 02 thị xã (Gò Công và Cai Lậy), 08 huyện (Tân Phước, Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, Tân Phú Đông).
- 172 ĐVHC cấp xã, gồm 143 xã, 22 phường và 07 thị trấn.

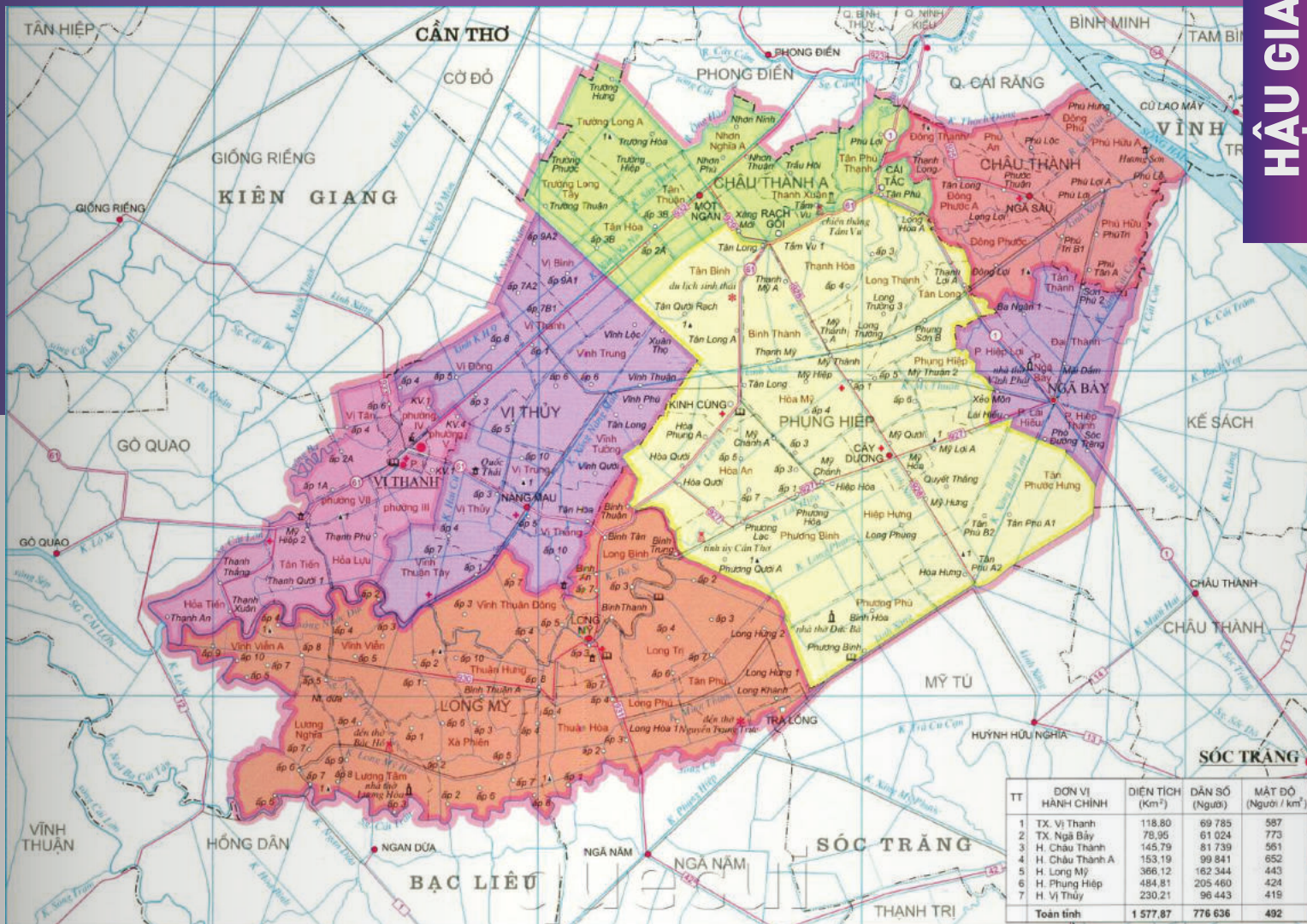
HẬU GIANG

VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý: từ 9°30'35" đến 10°19'17" vĩ độ Bắc
và 105°14'03" đến 106°17'57" kinh độ Đông.



- Phía Bắc tiếp giáp với thành phố Cần Thơ;
- Phía Nam tiếp giáp với tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Đông tiếp giáp với sông Hậu và tỉnh Vĩnh Long;
- Phía Tây tiếp giáp với tỉnh Kiên Giang và tỉnh Bạc Liêu.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ⁽¹⁾

Diện tích 1.621,7 km².

Dân số trung bình: 732.200 người

Mật độ: 451 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH⁽²⁾

Tỉnh Hậu Giang gồm:

- 08 ĐVHC cấp huyện, gồm 02 thành phố (Vị Thanh và Ngã Bảy), thị xã Long Mỹ, 05 huyện (Châu Thành A, Châu Thành, Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ).

- 75 ĐVHC cấp xã, gồm 51 xã, 13 phường và 11 thị trấn.

LONG AN

VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý: 105°30'30" đến 106°47'02" kinh độ Đông và 10°23'40" đến 11°02'00" vĩ độ Bắc.

- Phía Bắc: Tiếp giáp với Vương Quốc Campuchia
- Phía Nam: Tiếp giáp với tỉnh Tiền Giang
- Phía Đông: Tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh
- Phía Tây: Tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp

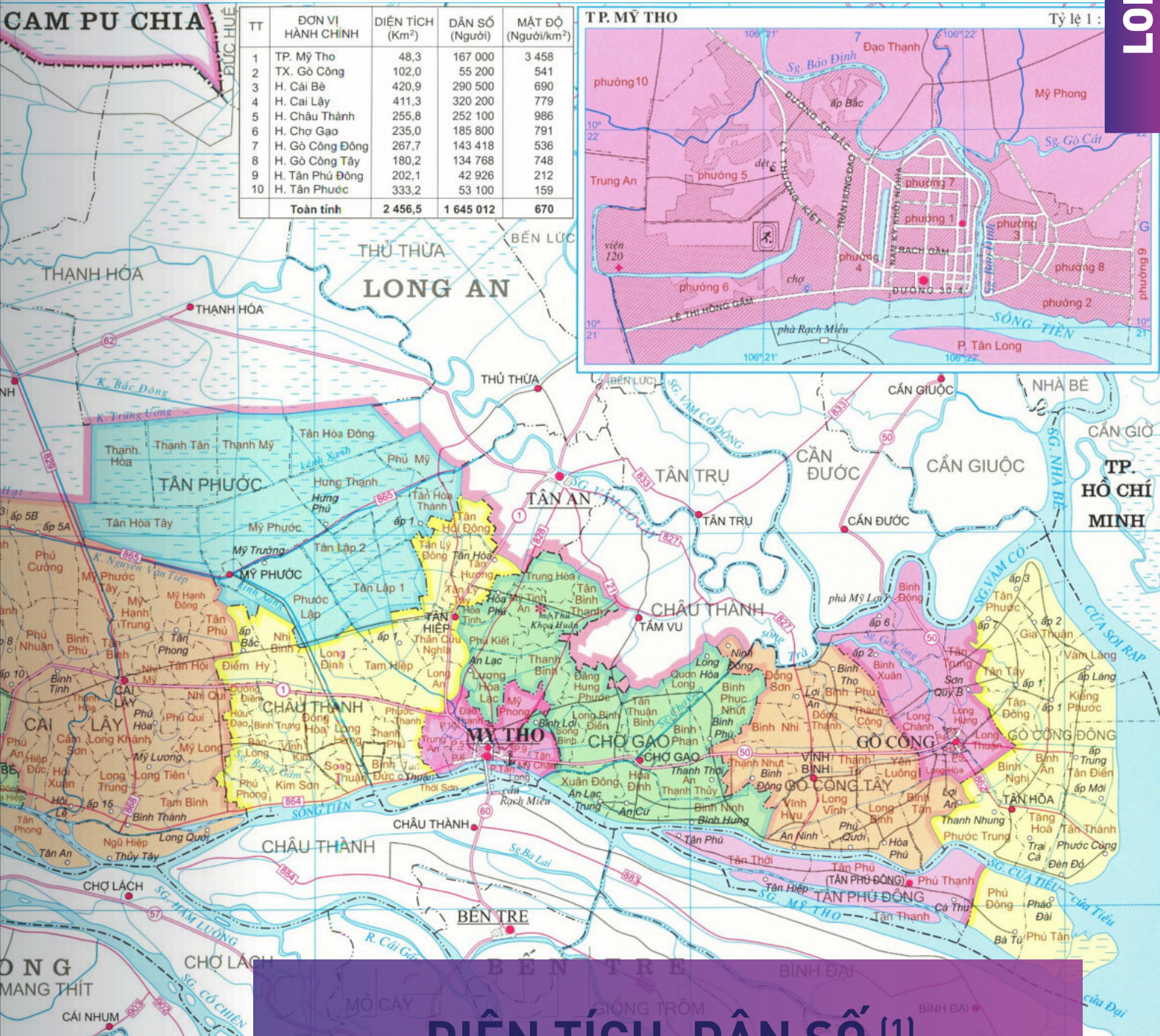
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Long An gồm:

- 15 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường, 13 huyện (Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Huệ, Đức Hòa, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc, Châu Thành).
- 188 ĐVHC cấp xã, gồm 161 xã, 12 phường và 15 thị trấn.



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LONG AN



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 4.494,9 km².

Dân số trung bình: 1.695.100 người

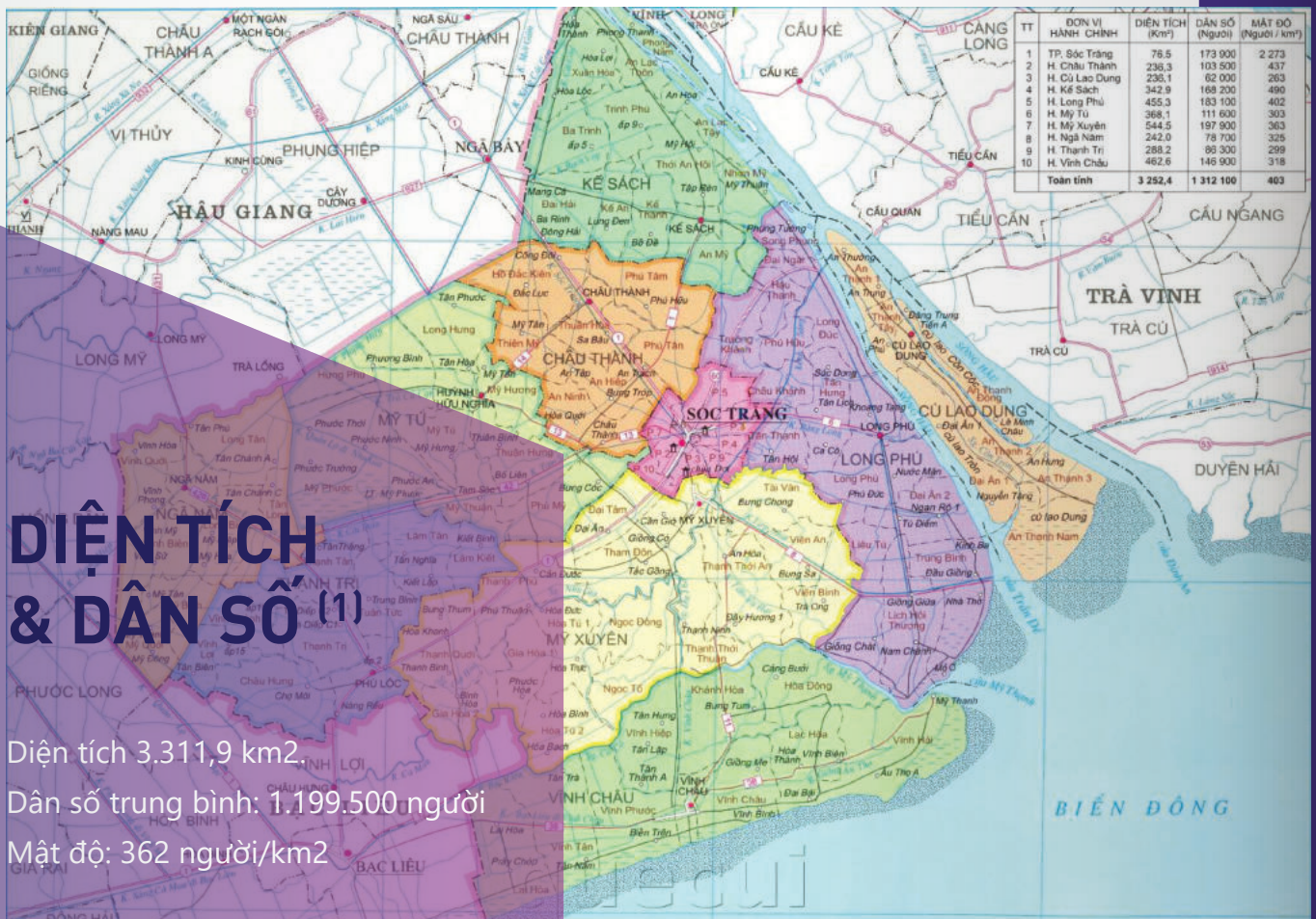
Mật độ: 377 người/km²

SÓC TRĂNG

VỊ TRÍ

Tỉnh Sóc Trăng có vị trí tọa độ 9°12' - 9°56' vĩ Bắc và 105°33' - 106°23' kinh Đông.

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang.
- Phía Tây Nam giáp tỉnh Bạc Liêu.
- Phía Đông Bắc giáp tỉnh Trà Vinh.
- Phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông.



Bản đồ hành chính tỉnh Sóc Trăng (Ảnh: Quecui)

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Sóc Trăng gồm:

- 11 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Sóc Trăng, 02 thị xã (Ngã Năm và Vĩnh Châu), 08 huyện (Châu Thành, Kế Sách, Mỹ Tú, Cù Lao Dung, Long Phú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Trần Đề).
- 109 ĐVHC cấp xã, gồm 80 xã, 17 phường và 12 thị trấn.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH KIÊN GIANG



KIÊN GIANG

VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý: từ 103°30' (tính từ đảo Thổ Chu) đến 105°32' kinh độ Đông và từ 9°23' đến 10°32' vĩ độ Bắc.

- Phía Tây, Tây Nam tiếp giáp với vịnh Thái Lan;
- Phía Bắc tiếp giáp với Vương quốc Campuchia;
- Phía Đông, Đông Bắc giáp các tỉnh, thành phố: An Giang, Cần Thơ và Hậu Giang;
- Phía Nam giáp tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 6.348,8 km².

Dân số trung bình: 1.723.700 người

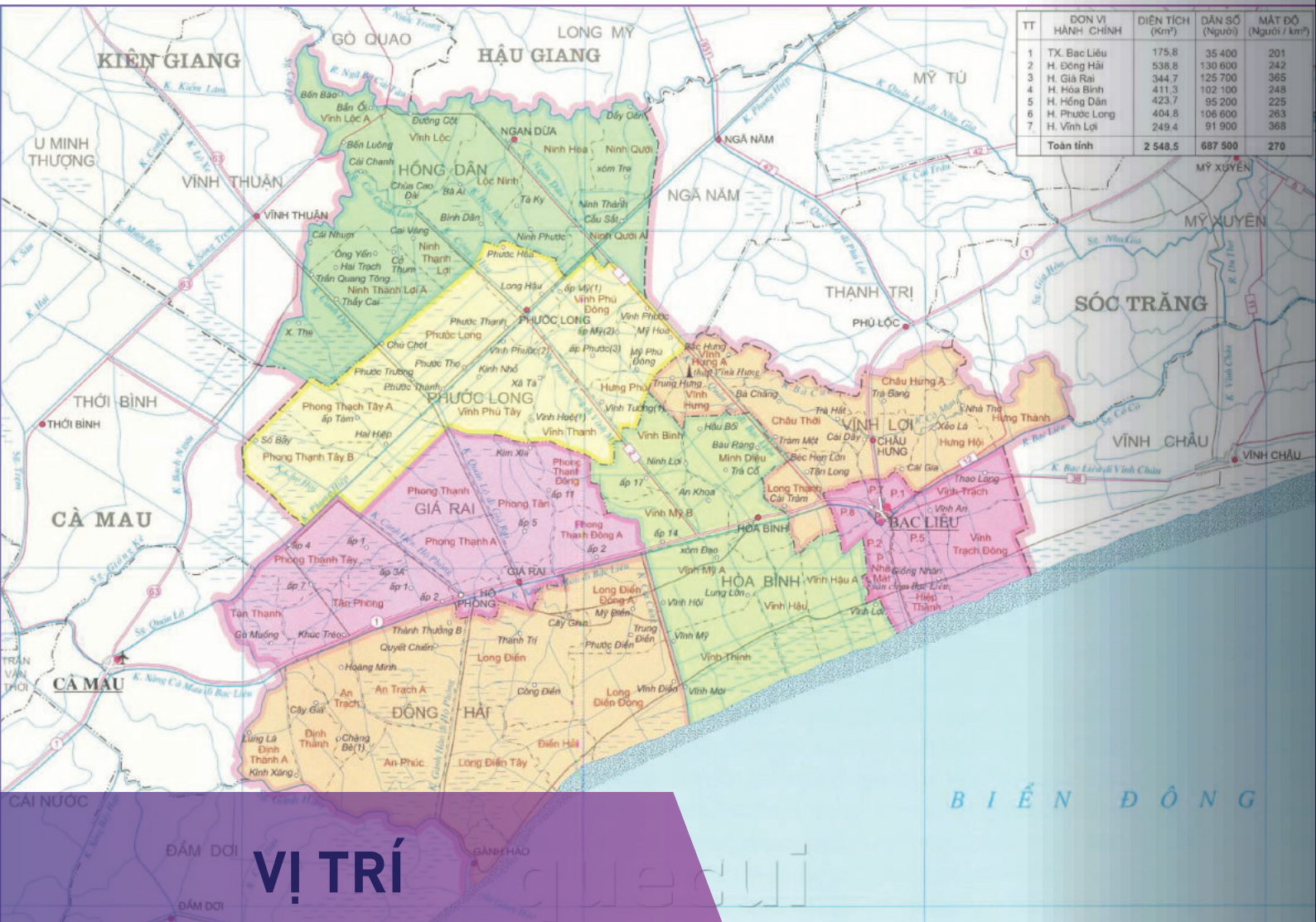
Mật độ: 272 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Kiên Giang gồm:

- 15 ĐVHC cấp huyện, gồm 02 thành phố (Rạch Giá và Hà Tiên), 13 huyện (Kiên Lương, Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, Phú Quốc, Kiên Hải, U Minh Thượng, Giang Thành).
- 145 ĐVHC cấp xã, gồm 117 xã, 16 phường và 12 thị trấn.

BẠC LIÊU



VỊ TRÍ

Có tọa độ địa lý: từ 9°00'00" đến 9°37'30" vĩ độ Bắc và từ 105°15'00" đến 105°52'30" kinh độ Đông.

Bản đồ hành chính tỉnh Bạc Liêu (Ảnh: Quecui)

- Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang;
- Phía Nam và Đông Nam tiếp giáp với biển Đông;
- Phía Đông và Đông Bắc tiếp giáp tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Tây và Tây Nam tiếp giáp tỉnh Cà Mau.



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Bạc Liêu gồm:

- 07 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai, 05 huyện (Hồng Dân, Phước Long, Vĩnh Lợi, Đông Hải, Hòa Bình).
- 64 ĐVHC cấp xã, gồm 49 xã, 10 phường và 05 thị trấn.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 2.669 km².

Dân số trung bình: 908.200 người

Mật độ: 340 người/km²

CÀ MAU

VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý: từ 8°34' đến 9°33' vĩ độ Bắc và 104°43' đến 105°25' kinh độ Đông.

- Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Kiên Giang;
- Phía Đông Bắc tiếp giáp với tỉnh Bạc Liêu;
- Phía Đông và Đông Nam tiếp giáp với biển Đông;
- Phía Tây tiếp giáp với vịnh Thái Lan.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ ⁽¹⁾

Diện tích 5.221,2 km².

Dân số trung bình: 1.194.300 người

Mật độ: 229 người/km²

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km ²)	DÂN SỐ (Người)	MẬT ĐỘ (Người /km ²)
1	TP. Cà Mau	246,2	195 400	794
2	H. Cái Nước	395,1	141 100	357
3	H. Đầm Dơi	782,1	180 900	231
4	H. Năm Căn	532,9	68 800	129
5	H. Ngọc Hiển	743,3	79 600	107
6	H. Phú Tân	446,0	113 400	254
7	H. Thới Bình	625,4	138 800	222
8	H. Trần Văn Thời	700,2	191 700	274
9	H. U Minh	758,9	91 400	120
	Toàn tỉnh	5 230,1	1 201 100	230

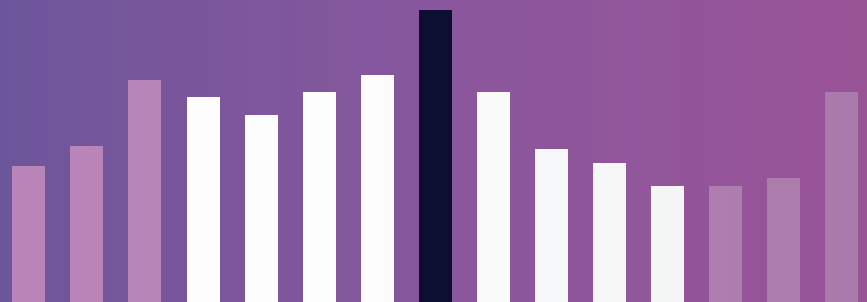




ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ⁽²⁾

Tỉnh Cà Mau gồm:

- 09 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Cà Mau và 08 huyện (U Minh, Thới Bình, Trần Văn Thời, Cái Nước, Đầm Dơi, Năm Căn, Phú Tân, Ngọc Hiển).
- 101 ĐVHC cấp xã, gồm 82 xã, 10 phường và 09 thị trấn.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Diện tích, dân số và mật độ dân số phân theo địa phương năm 2019” của Tổng cục Thống kê Việt Nam: <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=714>

Truy cập ngày 25/09/2020.

	2019 (*)		
	Diện tích(Km2)	Dân số trung bình (Nghìn người)	Mật độ dân số (Người/km2)
CẢ NƯỚC	331.236,0	96.484,0	291,0
Đồng bằng sông Hồng	21.260,8	22.620,2	1.064,0
Hà Nội	3.358,6	8.093,9	2.410,0
Vĩnh Phúc	1.235,9	1.154,8	934,0
Bắc Ninh	822,7	1.378,6	1.676,0
Quảng Ninh	6.178,2	1.324,8	214,0
Hải Dương	1.668,2	1.896,9	1.137,0
Hải Phòng	1.561,8	2.033,3	1.302,0
Hưng Yên	930,2	1.255,8	1.350,0
Thái Bình	1.586,4	1.862,2	1.174,0
Hà Nam	861,9	854,5	991,0
Nam Định	1.668,6	1.780,9	1.067,0
Ninh Bình	1.386,8	984,5	710,0
Trung du và miền núi phía Bắc	95.221,9	12.569,3	132,0
Hà Giang	7.929,5	858,1	108,0
Cao Bằng	6.700,3	530,9	79,0

Chú thích

(*) Diện tích có đến 31/12/2018 theo Quyết định số 2908/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bắc Kạn	4.860,0	314,4	65,0
Tuyên Quang	5.867,9	786,3	134,0
Lào Cai	6.364,0	733,3	115,0
Yên Bái	6.887,5	823,0	119,0
Thái Nguyên	3.526,6	1.290,9	366,0
Lạng Sơn	8.310,1	782,8	94,0
Bắc Giang	3.895,6	1.810,4	465,0
Phú Thọ	3.534,6	1.466,4	415,0
Điện Biên	9.541,3	601,7	63,0
Lai Châu	9.068,8	462,6	51,0
Sơn La	14.123,5	1.252,7	89,0
Hoà Bình	4.590,6	855,8	186,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	95.875,8	20.220,4	211,0
Thanh Hoá	11.114,6	3.645,8	328,0
Nghệ An	16.481,4	3.337,2	202,0
Hà Tĩnh	5.990,7	1.290,3	215,0
Quảng Bình	8.000,0	896,6	112,0
Quảng Trị	4.621,7	633,4	137,0
Thừa Thiên Huế	4.902,4	1.129,5	230,0
Đà Nẵng	1.284,9	1.141,1	888,0
Quảng Nam	10.574,7	1.497,5	142,0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. "Diện tích, dân số và mật độ dân số phân theo địa phương năm 2019" của Tổng cục Thống kê Việt Nam: <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=714>
Truy cập ngày 25/09/2020.

Quảng Ngãi	5.155,8	1.231,9	239,0
Bình Định	6.066,2	1.487,8	245,0
Phú Yên	5.023,4	873,2	174,0
Khánh Hoà	5.137,8	1.232,8	240,0
Ninh Thuận	3.355,3	591,0	176,0
Bình Thuận	7.943,9	1.232,3	155,0
Tây Nguyên	54.508,3	5.861,3	108,0
Kon Tum	9.674,2	543,4	56,0
Gia Lai	15.511,0	1.520,2	98,0
Đắk Lắk	13.030,5	1.872,6	144,0
Đắk Nông	6.509,3	625,8	96,0
Lâm Đồng	9.783,3	1.299,3	133,0
Đông Nam Bộ	23.552,8	17.930,3	761,0
Bình Phước	6.876,8	997,8	145,0
Tây Ninh	4.041,3	1.171,7	290,0
Bình Dương	2.694,6	2.456,3	912,0
Đồng Nai	5.863,6	3.113,7	531,0
Bà Rịa - Vũng Tàu	1.981,0	1.152,2	582,0
TP.Hồ Chí Minh	2.061,4	9.038,6	4.385,0

Chú thích

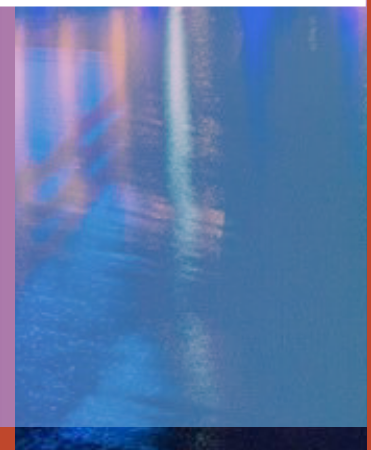
(*) Diện tích có đến 31/12/2018 theo Quyết định số 2908/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đồng bằng sông Cửu Long	40.816,4	17.282,5	423,0
Long An	4.494,9	1.695,1	377,0
Tiền Giang	2.510,6	1.766,3	704,0
Bến Tre	2.394,8	1.289,1	538,0
Trà Vinh	2.358,3	1.009,3	428,0
Vĩnh Long	1.525,7	1.022,6	670,0
Đồng Tháp	3.383,8	1.598,8	472,0
An Giang	3.536,7	1.907,4	539,0
Kiên Giang	6.348,8	1.723,7	272,0
Cần Thơ	1.439,0	1.236,0	859,0
Hậu Giang	1.621,7	732,2	451,0
Sóc Trăng	3.311,9	1.199,5	362,0
Bạc Liêu	2.669,0	908,2	340,0
Cà Mau	5.221,2	1.194,3	229,0

2. “Tổng hợp đơn vị hành chính” của Tổng cục Thống kê Việt Nam:

<https://www.gso.gov.vn/dmhgc2015/TongHop.aspx>

Truy cập ngày 25/09/2020.



www.iirr.vn